

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Bảo Khánh

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ
HẢI PHÒNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Bảo Khánh

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Bảo Khánh

Mã SV:1412401361

Lớp:QT1807K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại
công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ)

- ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng
- ✓ Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong tổ chức công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng làm cơ sở để đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- ✓ Sử dụng số liệu năm 2015

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Hồng

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2016
Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Người hướng dẫn

Nguyễn Bảo Khánh

ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

Hải Phòng, ngày tháng năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết.
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp
- Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty CP Điện cơ Hải Phòng
- Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu công cụ dụng cụ của Công ty CP Điện cơ Hải Phòng

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số:

Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1 . NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ	3
1.1.1. Khái niệm.....	3
1.1.2. Đặc điểm	3
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	4
1.1.4. Nguyên tắc hạch toán	5
1.1.5. Phân loại nguyên vật liệu:	5
1.1.5.1. Căn cứ vào công dụng chủ yếu và tính năng sử dụng:	5
1.1.5.2. Căn cứ vào nguồn cung cấp vật liệu:	6
1.1.6. Phân loại công cụ dụng cụ:	6
1.1.7. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	7
1.1.7.1. Đánh giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho	7
1.1.7.2. Đánh giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho	7
1.2. KẾ TOÁN CHI TIẾT NGUYÊN LIỆU VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ	8
1.2.1. Phương pháp thẻ song song	8
1.2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	8
1.2.3. Phương pháp sổ số dư	9
1.3. KẾ TOÁN TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ. 10	
1.3.1. Theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	10
1.3.1.1. Tài khoản sử dụng:	10
1.3.1.2 . Phương pháp hạch toán	12
1.3.2.Theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	15
1.4. Tổ chức sổ sách kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo các hình thức kế toán	18
2.1. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG	25
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty.....	25
2.1.1.1. Giới thiệu khái quát về Công ty	25
2.1.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty	28
2.1.3 Một số đặc điểm kinh tế, kĩ thuật cũng như thuận lợi, khó khăn của công ty	31

2.1.3.1 Ngành nghề kinh doanh	31
2.1.3.2 Quy trình sản xuất sản phẩm.....	33
2.1.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công ty.....	34
2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng.....	34
2.1.4.2. Chức năng và nhiệm vụ.....	35
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG	37
2.2.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty	37
2.2.1.1Đặc điểm	37
2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.....	37
2.2.1.3. Phương pháp đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.....	38
2.2.2. Thực trạng kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng.....	39
2.2.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng	52
2.2.3.1 kế toán tổng hợp nguyên vật liệu	52
2.2.3.2 kế toán tổng hợp công cụ dụng cụ	57
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG.....	67
3.1. NHẬN XÉT.....	67
3.1.1. Nhận xét chung về công tác quản lý	67
3.1.2. Nhận xét chung về đặc điểm kế toán tại Công ty	68
3.1.2.1. Về bộ máy kế toán.....	68
3.1.2.2. Về hệ thống tài khoản	69
3.1.2.3. Về tình hình thu mua và sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.....	70
3.2. Kiến nghị.....	71
3.2.1. Về công tác quản lý.....	71
3.2.2. Về bộ máy kế toán.....	72
3.2.3. Về hệ thống tài khoản	72
3.2.4. Về tình hình thu mua, sử dụng nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.....	73
KẾT LUẬN	77

LỜI MỞ ĐẦU

➤ Lý do chọn đề tài:

Từ năm 2006, Việt Nam chính thức gia nhập WTO, đất nước ta có cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ tiếp cận với thị trường quốc tế rộng lớn. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp trong nước đang phải đứng trước nhiều cơ hội và thách thức trên bước đường hội nhập và phát triển của mình. Trong thị trường cạnh tranh gay gắt này, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển thì buộc phải luôn nghiên cứu, cải tiến kỹ thuật và tìm phương pháp để dần thích nghi và phát triển lâu dài nếu không tất yếu sẽ bị đào thải.

Trong những thay đổi đó, công tác kế toán là một lĩnh vực dành được nhiều sự quan tâm ở tất cả các doanh nghiệp. Bởi vì làm tốt công tác hạch toán kế toán đồng nghĩa với việc quản lý tốt dòng vốn, đảm bảo mỗi đồng vốn bỏ ra luôn vì lợi nhuận của doanh nghiệp. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán, các doanh nghiệp đã quan tâm hơn đến bộ máy kế toán, cách thức hạch toán, quản lý và sử dụng.

Trong công tác kế toán ở doanh nghiệp, đảm bảo việc hạch toán chính xác, kịp thời chi phí nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ là yêu cầu có tính xuyên suốt trong quá trình hạch toán. Thông qua các thông tin về chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ do kế toán cung cấp nhà quản lý sẽ đánh giá được thực trạng của doanh nghiệp mình từ đó tìm cách đổi mới, đề ra phương pháp quản lý kinh doanh, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành.

Mặt khác, hạch toán chi phí nguyên vật liệu là khâu quan trọng nhất và là một trong những yếu tố cơ bản cấu thành sản phẩm. Việc quản lý tốt chi phí nguyên vật liệu cả ở quá trình thu mua, bảo quản và sử dụng sẽ tiết kiệm chi phí vật liệu làm giảm giá thành, tăng lợi nhuận tạo được lợi thế cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trên thị trường.

Hơn nữa, quá trình thu mua nguyên vật liệu nếu được lên kế hoạch hợp lý sẽ giảm thiểu được rủi ro khi mua nguyên vật liệu về giá cả, chất lượng và từ đó luôn đảm bảo sản xuất được sản phẩm với chất lượng cao và ổn định giá cả. Khi

doanh nghiệp quan tâm đến lợi ích của người tiêu dùng sẽ tạo được sự tin tưởng của người tiêu dùng, tạo được chỗ đứng vững chắc trên thị trường cạnh tranh ngày một gay gắt hiện nay.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, khi được thực tập ở Công ty CP Điện cơ Hải Phòng, em đã chọn đề tài “ Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ở Công ty CP Điện cơ Hải Phòng”.

➤ **Mục tiêu chọn đề tài**

Mục tiêu của em khi chọn đề tài này là vận dụng lý luận về kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ đã được học ở trường vào nghiên cứu thực tiễn tại Công ty từ đó phân tích và đưa ra các kiến nghị phù hợp nhằm hoàn thiện thêm công tác kế toán ở Công ty.

➤ **Phương pháp nghiên cứu**

- Tham khảo tài liệu Công ty CP Điện cơ Hải Phòng
- Tham khảo ý kiến của các anh chị kế toán Phòng kế toán của Công ty CP Điện cơ Hải Phòng và giáo viên hướng dẫn
- Tham khảo sách, tài liệu, trang web có liên quan đến đề tài cần nghiên cứu

➤ **Phạm vi nghiên cứu**

Đề tài được thực hiện tại Công ty CP Điện cơ Hải Phòng, qua việc tìm hiểu tài liệu và công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty.

➤ **Khóa luận bao gồm 3 chương như sau:**

- Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp
- Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty CP Điện cơ Hải Phòng
- Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu công cụ dụng cụ của Công ty CP Điện cơ Hải Phòng

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ

1.1.1. Khái niệm

- Nguyên vật liệu:
 - Nguyên liệu, vật liệu là đối tượng lao động, là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể của sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm.
- Công cụ dụng cụ:
 - Công cụ dụng cụ là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định. Vì vậy, công cụ dụng cụ được quản lý và hạch toán giống như nguyên vật liệu.

1.1.2. Đặc điểm

- Nguyên vật liệu:
 - Chỉ tham gia vào một chu trình sản xuất nhất định.
 - Bị biến đổi hình thái vật chất ban đầu để cấu thành nên thực thể sản phẩm.
 - Giá trị của vật liệu bị chuyển hoá hết một lần vào chi phí sản xuất trong kỳ.
 - Trong quá trình sản xuất, vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm nên việc quản lý quá trình thu mua, vận chuyển, bảo quản, dự trữ và sử dụng vật liệu có ý nghĩa quan trọng nhằm tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm, thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ:
 - Tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu.
 - Giá trị công cụ dụng cụ bị hao mòn dần và chuyển dịch từng phần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.
 - Theo quy định hiện hành những tư liệu sau đây không phân biệt tiêu chuẩn giá trị và thời gian sử dụng vẫn hạch toán là công cụ dụng cụ:
 - Các lán trại tạm thời, địa giới sử dụng trong ngành xây dựng cơ bản.
 - Các loại bao bì bán kèm theo hàng hóa có tính tiền riêng.
 - Các loại bao bì dùng để đựng nguyên vật liệu, hàng hóa trong quá trình thu mua, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa.
 - Những dụng cụ đồ nghề bằng thủy tinh, sành sứ.
 - Quần áo, giày dép chuyên dùng để lao động.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

- Tổ chức ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời số lượng, chất lượng và giá trị của từng loại, từng thứ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập xuất tồn kho.
- Vận dụng đúng đắn các phương pháp hạch toán vật liệu, hướng dẫn kiểm tra việc chấp hành các nguyên tắc, thủ tục nhập xuất, thực hiện đầy đủ, đúng đắn chế độ hạch toán ban đầu về vật liệu.
- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch thu mua, tình hình dự trữ và tiêu hao nguyên vật liệu, phát hiện và xử lý kịp thời nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ứ đọng, kém phẩm chất ngăn ngừa việc sử dụng nguyên vật liệu sai mục đích, lãng phí.
- Thực hiện kiểm kê, đánh giá lại vật liệu, công cụ dụng cụ theo đúng quy định của Nhà nước, lập các báo cáo kế toán phục vụ công tác lãnh đạo quản lý.

1.1.4. Nguyên tắc hạch toán

- Nguyên vật liệu:
 - Trị giá vật liệu nhập xuất tồn phải theo đúng giá thực tế.
 - Vật liệu phải được theo dõi chi tiết cả về mặt giá trị lẫn hiện vật của từng loại vật liệu.
 - Vật liệu được dự phòng giảm giá theo chế độ nhà nước quy định.
 - Việc hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được áp dụng một trong hai phương pháp là kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ.
- Công cụ dụng cụ:
 - Công cụ dụng cụ được phản ánh theo giá thực tế và được theo dõi cả về số lượng và giá trị.
 - Công cụ dụng cụ xuất dùng trong sản xuất kinh doanh có giá trị lớn và phục vụ cho nhiều kỳ kinh doanh có thể áp dụng phương pháp phân bổ nhiều lần hoặc trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh.

1.1.5. Phân loại nguyên vật liệu:**1.1.5.1. Căn cứ vào công dụng chủ yếu và tính năng sử dụng:**

- *Nguyên vật liệu chính*: bao gồm các loại nguyên liệu, vật liệu tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất để cấu tạo nên thực thể bản thân của sản phẩm.
- *Vật liệu phụ*: là loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành nên thực thể sản phẩm, mà chỉ kết hợp với nguyên vật liệu chính để làm tăng chất lượng hoặc giá trị sử dụng của sản phẩm.
- *Nhiên liệu*: bao gồm các loại vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất.
- *Phụ tùng thay thế*: bao gồm các loại vật liệu được sử dụng cho việc thay thế, sửa chữa các loại tài sản cố định, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải...

- *Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản*: bao gồm các loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình xây dựng cơ bản.
- *Phế liệu*: là những phần vật chất mà doanh nghiệp có thể thu hồi được (bên cạnh các loại thành phẩm) trong quá trình sản xuất kinh doanh.

1.1.5.2. Căn cứ vào nguồn cung cấp vật liệu:

- *Nguyên vật liệu mua ngoài*: là nguyên vật liệu mà doanh nghiệp mua bên ngoài từ các nhà cung cấp.
- *Vật liệu tự chế biến*: là vật liệu do doanh nghiệp sản xuất ra và sử dụng như nguyên liệu để sản xuất sản phẩm.
- *Vật liệu thuê ngoài gia công*: là loại vật liệu thuê các cơ sở gia công làm nên.
- *Nguyên vật liệu nhận góp vốn liên doanh*: là nguyên vật liệu do các bên liên doanh góp vốn theo thỏa thuận trên hợp đồng liên doanh.
- *Nguyên vật liệu được cấp*: là nguyên vật liệu do đơn vị cấp trên cấp theo quy định...

1.1.6. Phân loại công cụ dụng cụ:

- Trong công tác quản lý, công cụ dụng cụ được chia thành 3 loại
 - Công cụ dụng cụ lao động: dụng cụ gỡ lắp, dụng cụ đồ nghề, dụng cụ quần áo bảo vệ lao động, khuôn mẫu, lán trại.
 - Bao bì luân chuyển
 - Đồ dùng cho thuê
- Căn cứ vào giá trị và thời gian sử dụng công cụ dụng cụ
 - Loại phân bổ 1 lần
 - Loại phân bổ nhiều lần

1.1.7. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ**1.1.7.1. Đánh giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho**

- Giá gốc nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho mua ngoài

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá mua} & & \text{Các khoản} & & \text{Chi phí} \\ \text{nhập kho do} & = & \text{ghi trên} & + & \text{thuế không} & + & \text{thu mua} & - & \text{Các khoản} \\ \text{mua ngoài} & & \text{hoá đơn} & & \text{được hoàn lại} & & \text{thực tế} & & \text{giảm trừ} \end{array}$$

- Giá gốc nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tự chế biến

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá thực tế nhập} & = & \text{Giá thực tế vật liệu,} \\ \text{kho do tự chế biến} & & \text{CCDC xuất chế biến} & + & \text{Chi phí chế biến} \end{array}$$

- Giá gốc nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thuê ngoài gia công :

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế} & & & & & & \\ \text{nhập kho do} & = & \text{Giá thực tế vật liệu,} & & \text{Chi phí} & & \\ \text{thuê ngoài gia} & & \text{CCDC xuất thuê ngoài} & + & \text{gia} & + & \text{Chi phí} \\ \text{công} & & \text{gia công} & & \text{công} & & \text{vận chuyển} \end{array}$$

- Giá gốc nguyên vật liệu nhận vốn góp liên doanh

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá thực tế} & & \\ \text{nhập kho do} & = & \text{Giá thoả thuận giữa các} & + & \text{Chi phí} \\ \text{nhận góp vốn} & & \text{bên tham gia góp vốn} & & \text{liên quan} \end{array}$$

1.1.7.2. Đánh giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho

-Phương pháp bình quân gia quyền: Theo phương pháp này, trị giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng trong kỳ được tính theo đơn giá bình quân

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá thực tế} & & \text{Số lượng NVL, CCDC} \\ \text{xuất kho} & = & \text{xuất kho} & \times & \text{Đơn giá bình quân} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Đơn giá} & & \text{Giá trị NVL,CCDC tồn kho} & + & \text{Giá trị NVL, CCDC nhập kho} \\ \text{bình quân} & = & \frac{\text{Số lượng NVL,CCDC}}{\text{tồn kho}} & + & \frac{\text{Số lượng NVL,CCDC}}{\text{nhập kho}} \end{array}$$

- **Phương pháp nhập trước - xuất trước:** Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

- **Phương pháp giá thực tế đích danh:** Phương pháp này được áp dụng đối với đơn vị có ít loại mặt hàng, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được. Khi xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ doanh nghiệp chỉ định rõ giá xuất.

1.2. KẾ TOÁN CHI TIẾT NGUYÊN LIỆU VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ

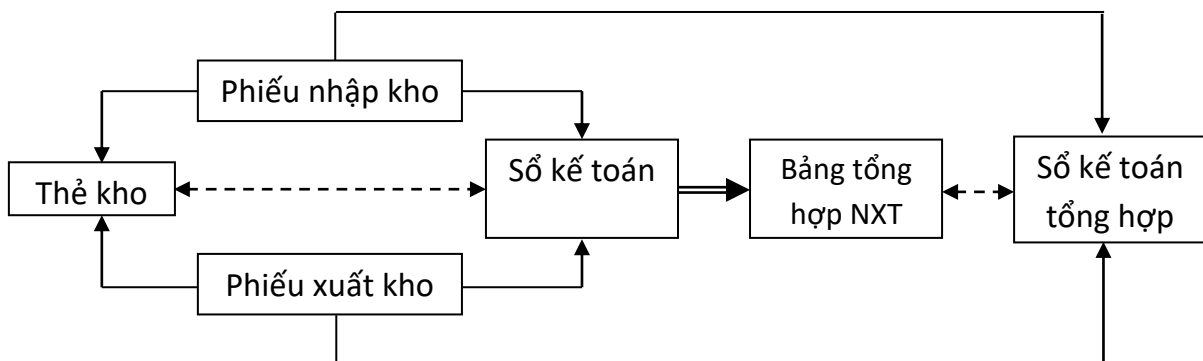
1.2.1. Phương pháp thẻ song song

❖ Sổ kế toán

- Sổ kho (thẻ kho)
- Sổ kế toán chi tiết (thẻ chi tiết)

❖ Trình tự ghi chép

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết NVL, CCDC theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

————> Ghi hàng ngày

====> Ghi cuối kỳ

<-.-.-> Đối chiếu, kiểm tra

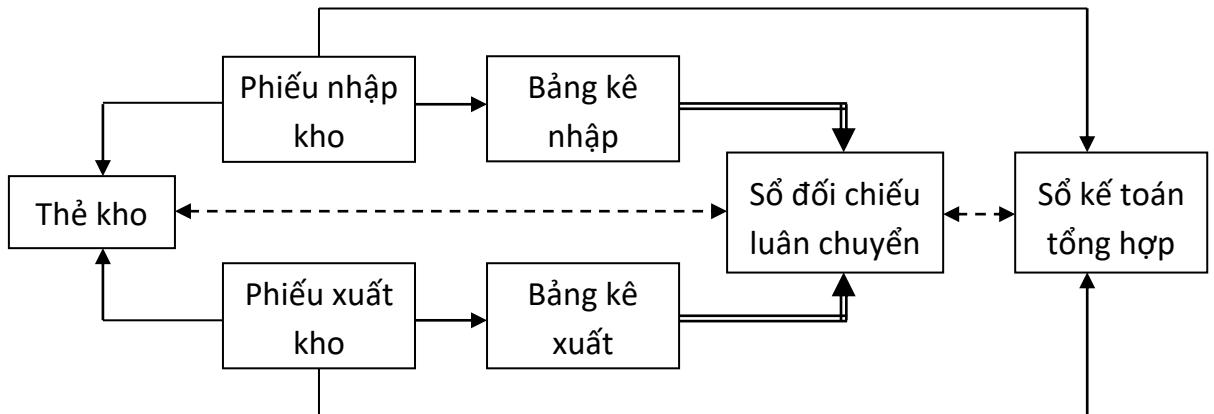
1.2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

❖ Sổ kế toán

- Sổ kho
- Sổ đối chiếu luân chuyển

❖ Trình tự ghi chép

**Sơ đồ 1.2: Kế toán chi tiết NVL, CCDC theo phương pháp
sổ đối chiếu luân chuyển**



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

⇒ Ghi cuối kỳ

↔ Đối chiếu, kiểm tra

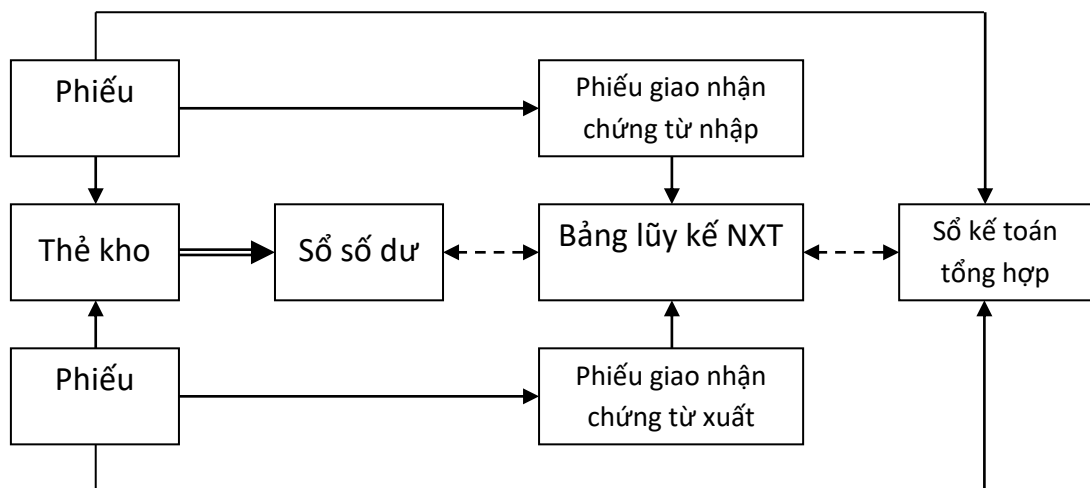
1.2.3. Phương pháp sổ số dư

❖ **Sổ kế toán**

- Số kho
- Số số dư

❖ Trình tự kế toán

Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết VNL, CCDC theo phương pháp sổ sổ dư



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
⇒ Ghi cuối kỳ
↔ --- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

1.3. KẾ TOÁN TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ

1.3.1. Theo phương pháp kê khai thường xuyên

Khái niệm: Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp phản ánh, ghi chép thường xuyên, liên tục có hệ thống tình hình Nhập - Xuất - Tồn kho các loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa.... trên tài khoản và sổ kế toán tổng hợp dựa trên các chứng từ nhập, xuất. Theo phương pháp này, các tài khoản tồn kho được dùng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng hoặc giảm các loại hàng tồn kho. Vì vậy, giá trị hàng tồn kho có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào.

Ưu điểm: Theo dõi được thường xuyên, liên tục tình hình Nhập - Xuất - Tồn theo các chứng từ nên việc xác định giá vốn của nguyên vật liệu được chính xác, kịp thời .

Nhược điểm: Đối với nguyên vật liệu công kênh, điều kiện cân đo đong đếm không được chính xác thì giá trị sản xuất theo chứng từ kế toán nhiều khi xa rời với giá vốn thực tế làm cho công việc kế toán tồn nhiều công sức, phức tạp và phải điều chỉnh số liệu giữa kiểm kê với số liệu tính toán.

1.3.1.1. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi trên đường” : Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mà doanh nghiệp đã mua, đã chấp nhận thanh toán với người bán nhưng cuối kỳ chưa về nhập kho.

Nợ TK 151 – Hàng mua đang đi đường Có

<u>SDDK</u> : Trị giá thực tế hàng mua đang đi đường hiện có đầu kỳ.	
Trị giá thực tế hàng mua đang đi đường phát sinh trong kỳ.	Trị giá hàng mua đang đi đường về nhập kho. Trị giá thực tế hàng mua đang đi chuyển bán thẳng.
<u>SDCK</u> : Trị giá thực tế hàng mua đang đi đường hiện có cuối kỳ.	

-Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”: Tài khoản này dùng để theo dõi giá trị hiện có, biến động tăng giảm của các loại nguyên vật liệu

Nợ TK 152 – Nguyên vật liệu Có

<u>SDDK</u> : Trị giá NVL hiện có đầu kỳ.	
Trị giá thực tế của NVL nhập kho trong kỳ (do mua ngoài, tự chế biến, nhận góp vốn...) Trị giá thực tế NVL phát hiện thừa khi kiểm kê. Giá trị thực tế NVL tăng do đánh giá lại. Trị giá phế liệu thu hồi	Trị giá thực tế NVL xuất dùng cho các mục đích trong kỳ. Giá trị NVL phát hiện thiếu khi kiểm kê. Giá trị thực tế NVL giảm do đánh giá lại. Trị giá NVL trả lại người bán.
<u>SDCK</u> : Trị giá NVL hiện có cuối kỳ.	

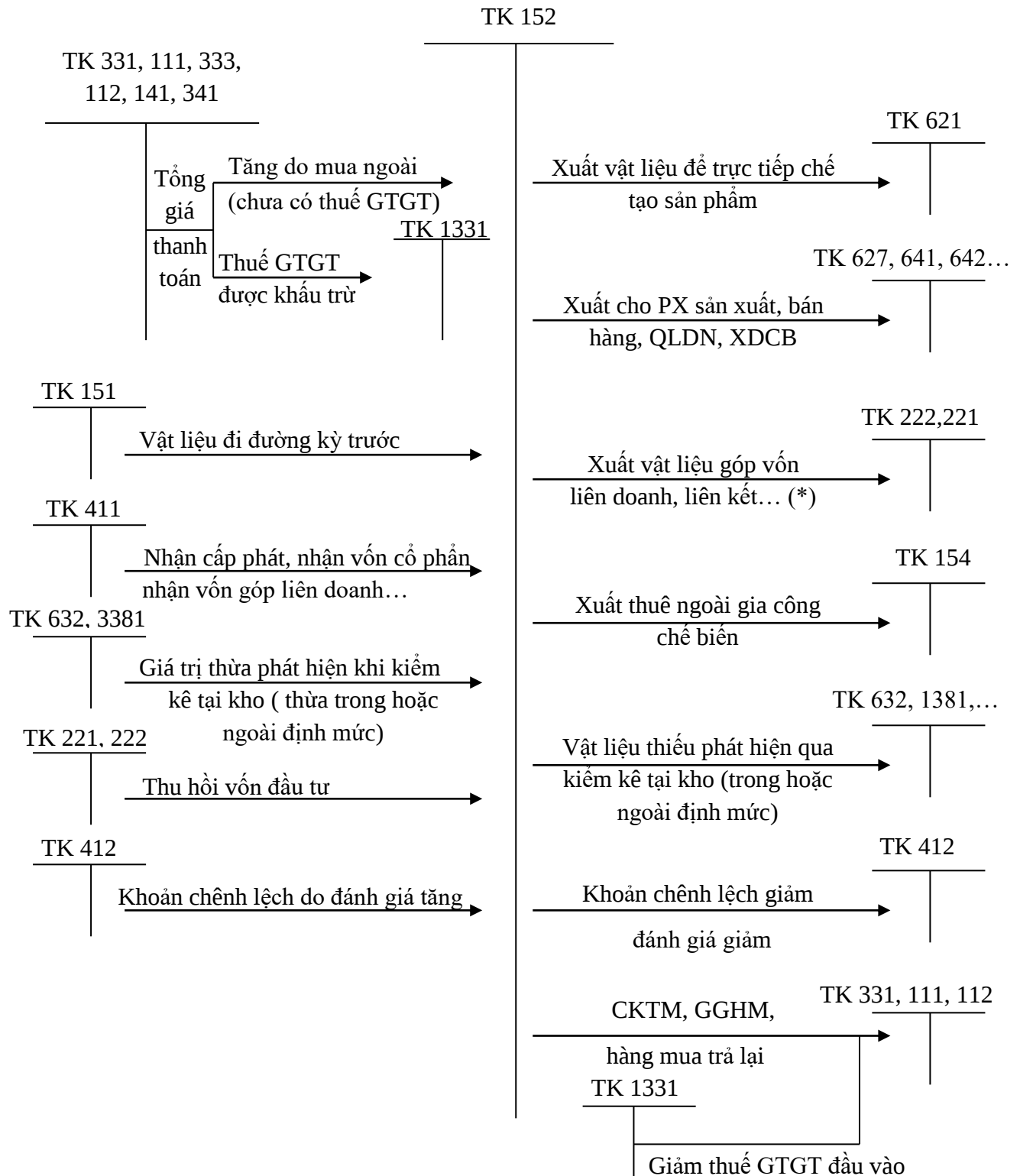
-Tài khoản 153 “Công cụ dụng cụ”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng giảm của các loại công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.

Nợ	TK 153 – Công cụ dụng cụ	Có
<u>SDĐK</u> : Trị giá thực tế của CCDC hiện có ở thời điểm đầu kỳ.		
Trị giá thực tế của CCDC nhập kho do mua ngoài, nhận góp vốn, liên doanh hay từ các nguồn khác.		Trị giá thực tế CCDC xuất dùng trong kỳ.
Trị giá thực tế CCDC phát hiện thừa khi kiểm kê.		Giá trị CCDC phát hiện thiếu khi kiểm kê.
Trị giá CCDC cho thuê nhập lại kho.		Trị giá CCDC trả lại người bán được giảm giá.
<u>SDCK</u> : Trị giá thực tế của CCDC tồn kho CK		

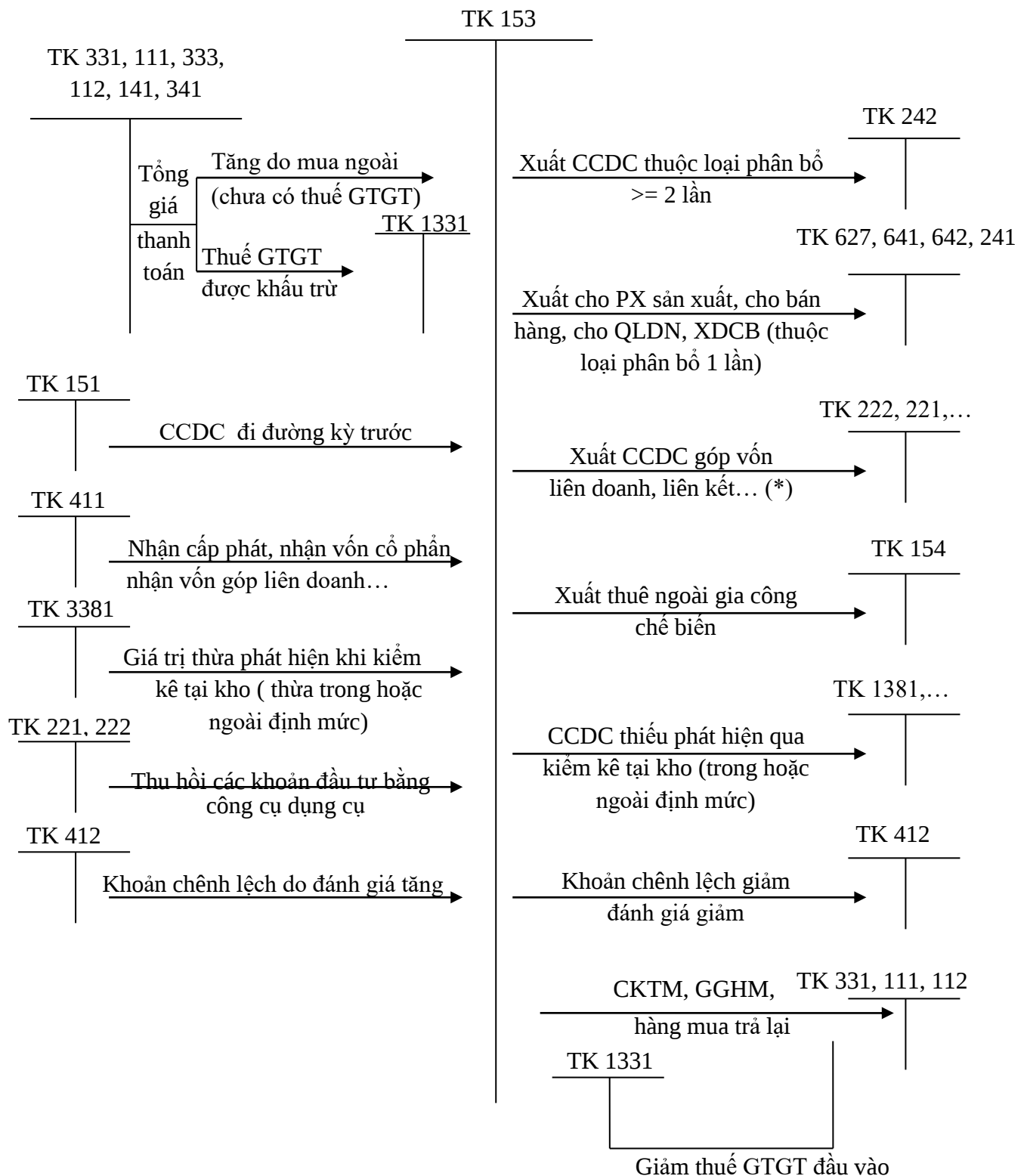
1.3.1.2 . Phương pháp hạch toán

Trình tự kế toán được biểu diễn bằng sơ đồ sau (áp dụng cho cả doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).

*** Phương pháp hạch toán.**



Sơ đồ 1.4: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ1.5: Kế toán tổng hợp công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.3.2.Theo phương pháp kiểm kê định kỳ.*** Đặc điểm của phương pháp kiểm kê định kỳ.**

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trên sổ kế toán. Từ đó xác định giá trị vật tư đã xuất trong kỳ theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá hàng} & & & & & & \\ \text{xuất trong} & = & \text{Trị giá hàng} & + & \text{Trị giá hàng nhập} & - & \text{Trị giá hàng tồn} \\ \text{kho kỳ} & & \text{tồn kho đầu kỳ} & & \text{kho trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Theo phương pháp này thì mọi sự biến động của vật tư đều không được theo dõi trên tài khoản hàng tồn kho, giá trị vật tư hàng hoá nhập kho trong kỳ được theo dõi trên TK 611- Mua hàng.

Phương pháp này chỉ sử dụng TK 152, 153, vào đầu kỳ để kết chuyển số dư đầu kỳ, vào cuối kỳ để phản ánh thực tế vật tư tồn cuối kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ thường được áp dụng cho các DN có nhiều chủng loại vật tư với nhiều mẫu mã đa dạng, được xuất kho nhiều lần trong kỳ.

Ưu điểm của phương pháp này là khối lượng công việc được giảm nhẹ. Nhược điểm của phương pháp này là độ chính xác của giá trị hàng hoá, vật tư không cao, nó phụ thuộc lớn vào công tác quản lý vật tư, rất có thể xảy ra tiêu cực.

*** Tài khoản sử dụng.**

Tài khoản 611: Mua hàng. Chi tiết

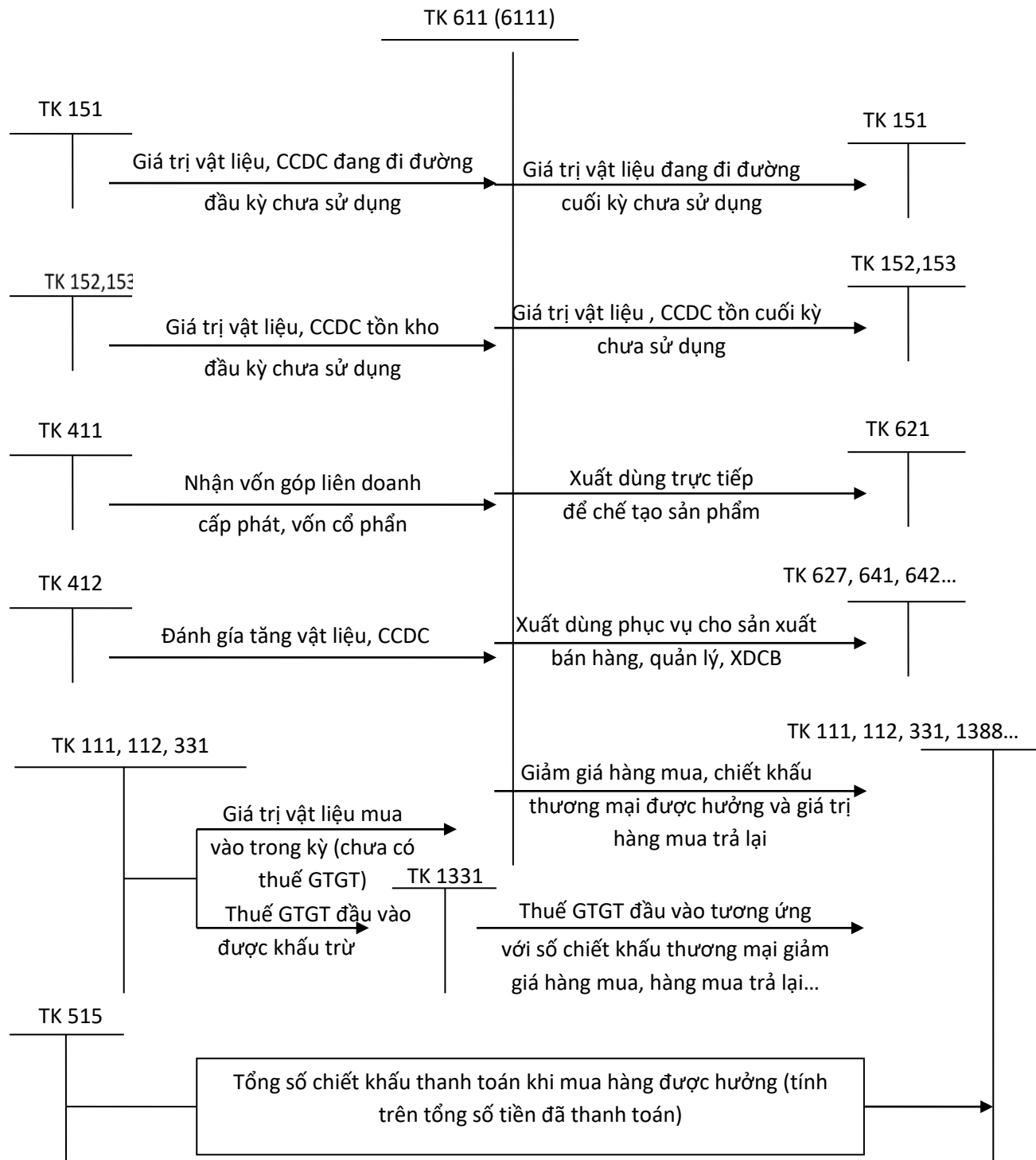
-TK 6111: Mua nguyên vật liệu

- TK 6112: Mua hàng hoá

Kết cấu TK 611:

Nợ	TK 611: Mua hàng	Có
- Kết chuyển trị giá NVL - CCDC còn tồn kho ở thời điểm đầu kỳ. - Giá trị NVL - CCDC mua vào trong kỳ.		- Trị giá NVL - CCDC xuất dùng cho các mục đích trong kỳ. Kết chuyển trị giá NVL - CCDC tồn kho cuối kỳ vào các TK liên quan như: TK 152, 153, 156....
Tổng cộng phát sinh Nợ.		Tổng cộng phát sinh Có.

*** Phương pháp hạch toán.**

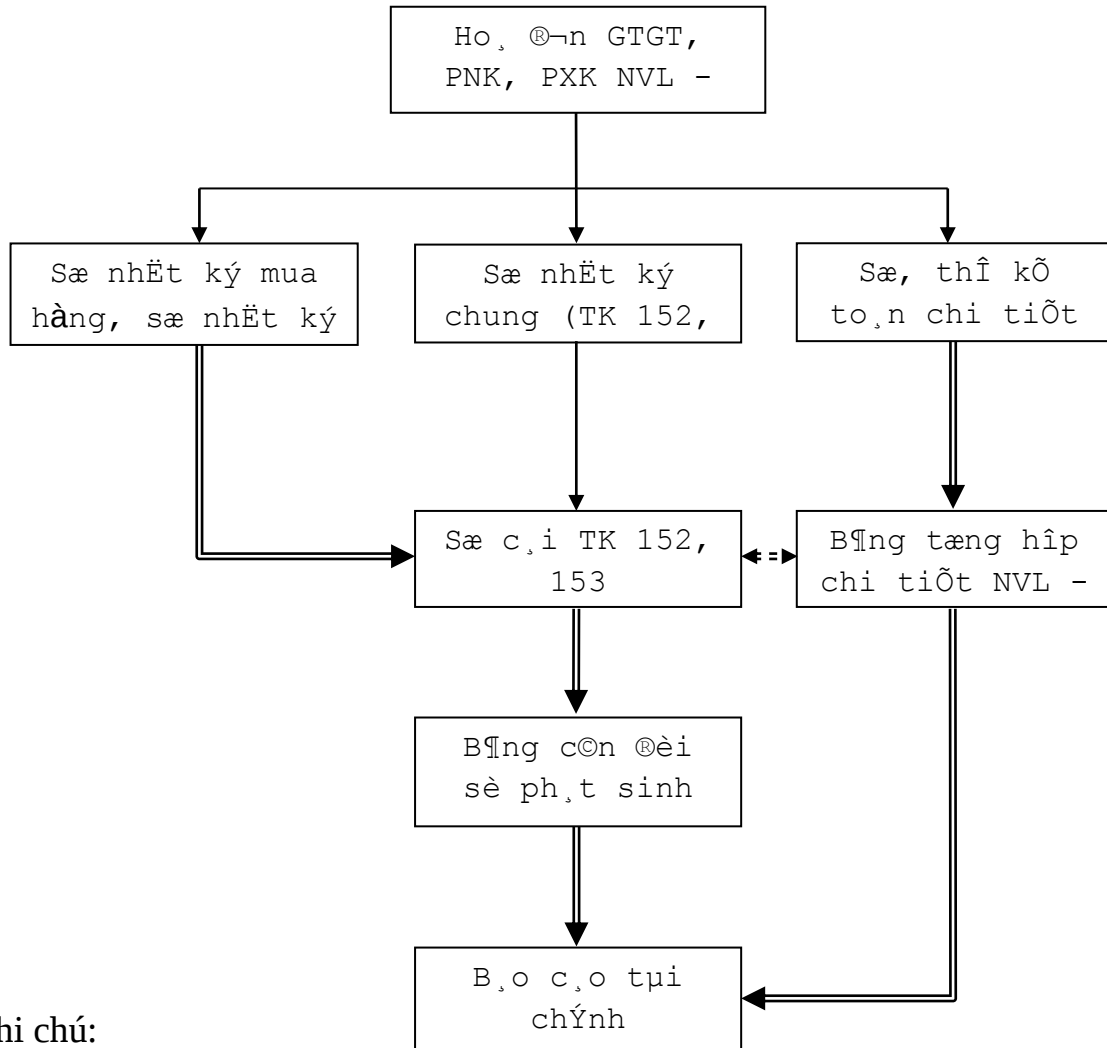


**Sơ đồ 1.7: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

1.4. Tổ chức sổ sách kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo các hình thức kế toán

Các hình thức ghi sổ kế toán

Sơ đồ 1.8: Hình thức kế toán nhật ký chung



Ghi chú:

→ : Ghi hàng ngày

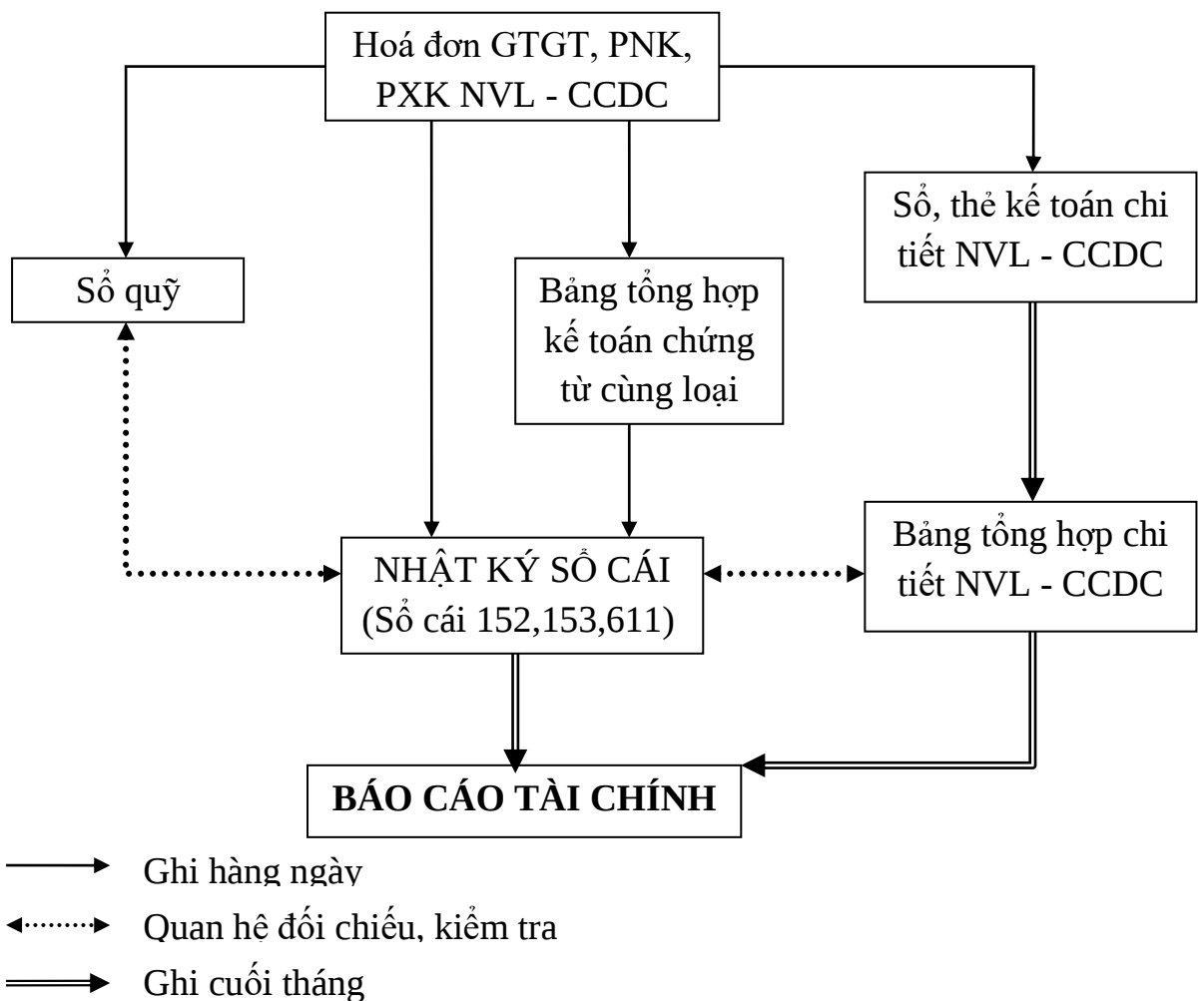
==> : Ghi cuối tháng hoặc cuối năm

◄==> : Quan hệ hỗ trợ lẫn nhau

- Hàng ngày căn cứ vào hoá đơn GTGT, PNK, P XK NVL – CCDC để ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ NKC. Sau đó căn cứ vào các số liệu đã ghi trên sổ NKC để ghi vào sổ cái TK 152, 153 (TK 611). Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết NVL – CCDC thì đồng thời với việc ghi sổ NKC các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào sổ, thẻ kế toán NVL – CCDC.

- Trường hợp đơn vị mở các sổ nhật ký đặc biệt thì hàng ngày căn cứ vào các hoá đơn GTGT, PNK, P XK NVL – CCDC, phiếu chi, phiếu thu được dùng làm căn cứ ghi sổ và ghi vào sổ nhật ký mua hàng, sổ nhật ký chi tiền, sổ nhật ký thu tiền, lấy số liệu để ghi vào sổ cái các TK 152, 153 (TK 611).
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên các sổ cái, TK 152, 153 (TK 611) để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp với số liệu ghi trên sổ cái TK 152, 153 (TK 611) và lập bảng tổng hợp chi tiết NVL – CCDC (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết NVL – CCDC) được dùng để lập báo cáo tài chính)
- Về nguyên tắc: tổng số PS Nợ và tổng số PS Có trên bảng cân đối số PS phải bằng tổng số PS Nợ và tổng số PS Có trên sổ NKC

Sơ đồ 1.9: Hình thức kế toán nhật ký sổ cái

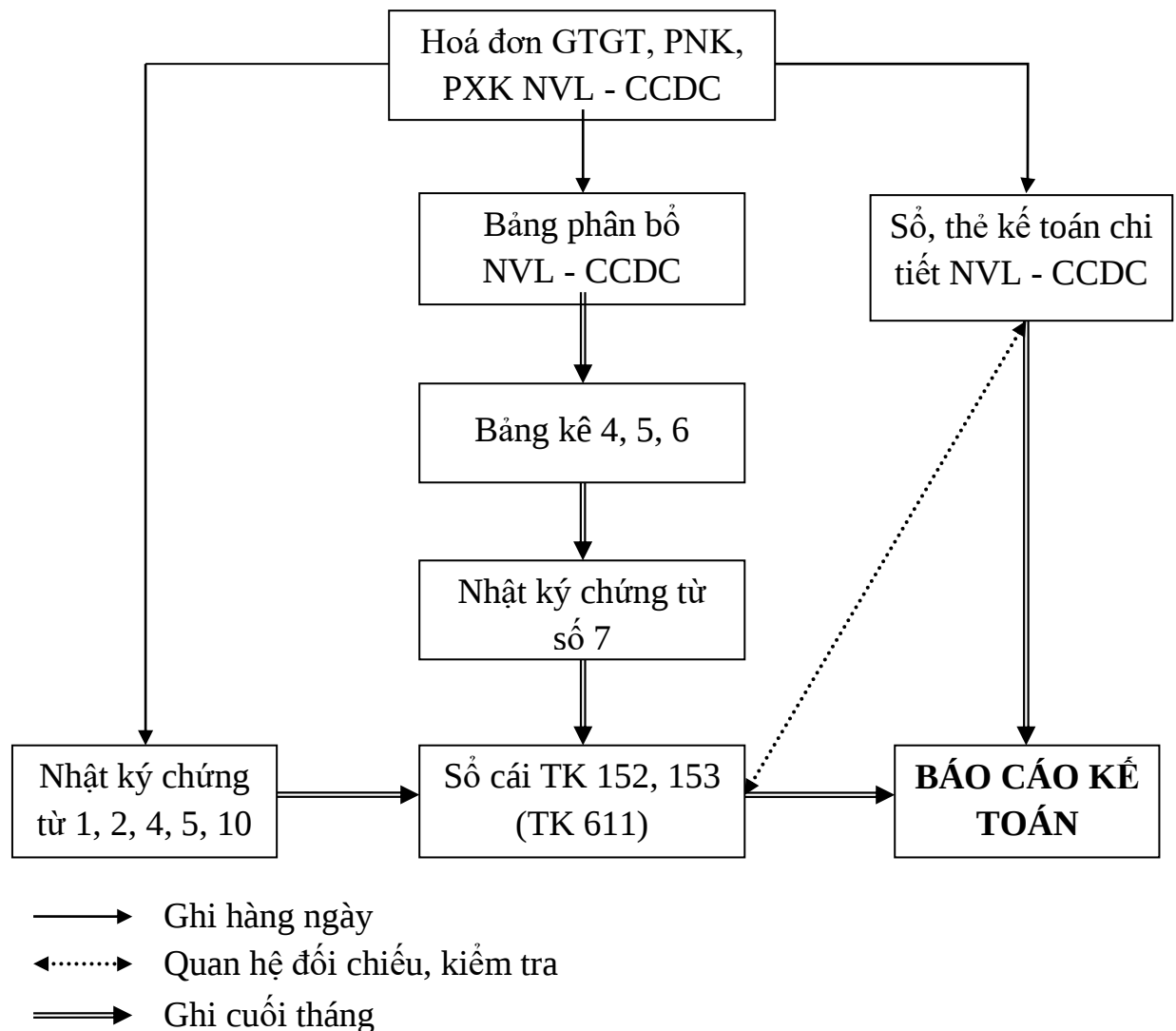


- Hàng ngày căn cứ vào hoá đơn GTGT, PNK, P XK NVL – CCDC đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác minh các TK ghi Nợ và TK ghi Có để ghi vào nhật ký sổ cái. Số liệu của mỗi hoá đơn GTGT, PNK, P XK NVL – CCDC được ghi một dòng ở cả hai phần, phần nhật ký và phần sổ cái. Bảng tổng hợp NVL – CCDC được lập cho những chứng từ như PNK, P XK NVL – CCDC phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ từ một đến ba ngày.
- Hoá đơn GTGT, PNK, P XK NVL – CCDC, bảng tổng hợp NVL – CCDC sau khi đã ghi sổ nhật ký sổ cái được dùng làm căn cứ để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết NVL – CCDC
- Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ các hoá đơn GTGT, PNK, P XK NVL – CCDC, phiếu thu, phiếu chi đã phát sinh trong tháng vào sổ nhật ký sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết NVL – CCDC, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số PS ở phần nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng TK 152, 153 ở phần sổ cái để ghi vào dòng cộng PS cuối tháng căn cứ vào số PS tháng trước và số PS tháng này tính ra số PS lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng. Căn cứ vào số dư đầu tháng, đầu quý và số PS trong tháng, kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng TK 152, 153 trên nhật ký sổ cái.
- Khi kiểm tra đối chiếu số cộng cuối tháng, cuối quý trong sổ nhật ký sổ cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Tổng số tiền của cột} & & \text{Tổng số PS Nợ của} & & \text{Tổng số PS Có của} \\ \text{PS ở phần nhật ký} & = & \text{tất cả các TK} & = & \text{tất cả các TK} \end{array}$$

$$\text{Tổng số dư Nợ các TK} = \text{Tổng số dư Có các TK}$$

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết NVL – CCDC cũng phải được khoá sổ để cộng số PS Nợ, số PS Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số lượng khoá sổ của các đối tượng lập bảng tổng hợp chi tiết NVL – CCDC cho TK 152, 153. Số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết NVL – CCDC được đối chiếu với số PS Nợ, số PS Có và số dư cuối tháng của TK 152, 153 trên sổ nhật ký sổ cái
- Số liệu trên sổ nhật ký sổ cái và số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết NVL – CCDC sau khi đã khoá sổ được kiểm tra đối chiếu nếu khớp và dùng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính

Sơ đồ 1.10: Hình thức kế toán nhật ký chứng từ

- Hàng ngày căn cứ vào hoá đơn GTGT, PNK, P XK NVL – CCDC đã được kiểm tra lấy số liệu để ghi trực tiếp vào nhật ký chứng từ số 7 và bảng kê 4, 5, 6, sổ chi tiết NVL – CCDC

- Đối với các loại CCDC phân bổ một lần hoặc nhiều lần hoặc PS thì các loại P XK CCDC trước hết được tập hợp và phân loại trong bảng phân bổ CCDC, sau đó lấy số liệu kết quả trong bảng phân bổ NVL – CCDC để ghi vào các bảng kê 4, 5, 6 và nhật ký chứng từ số 7

- Đối với các nhật ký chứng từ được ghi căn cứ vào các bảng kê 4, 5, 6, sổ chi tiết NVL – CCDC thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê 4, 5, 6, sổ chi tiết NVL – CCDC, cuối tháng chuyển số liệu vào nhật ký chứng từ 1, 2, 4, 5, 7, 10

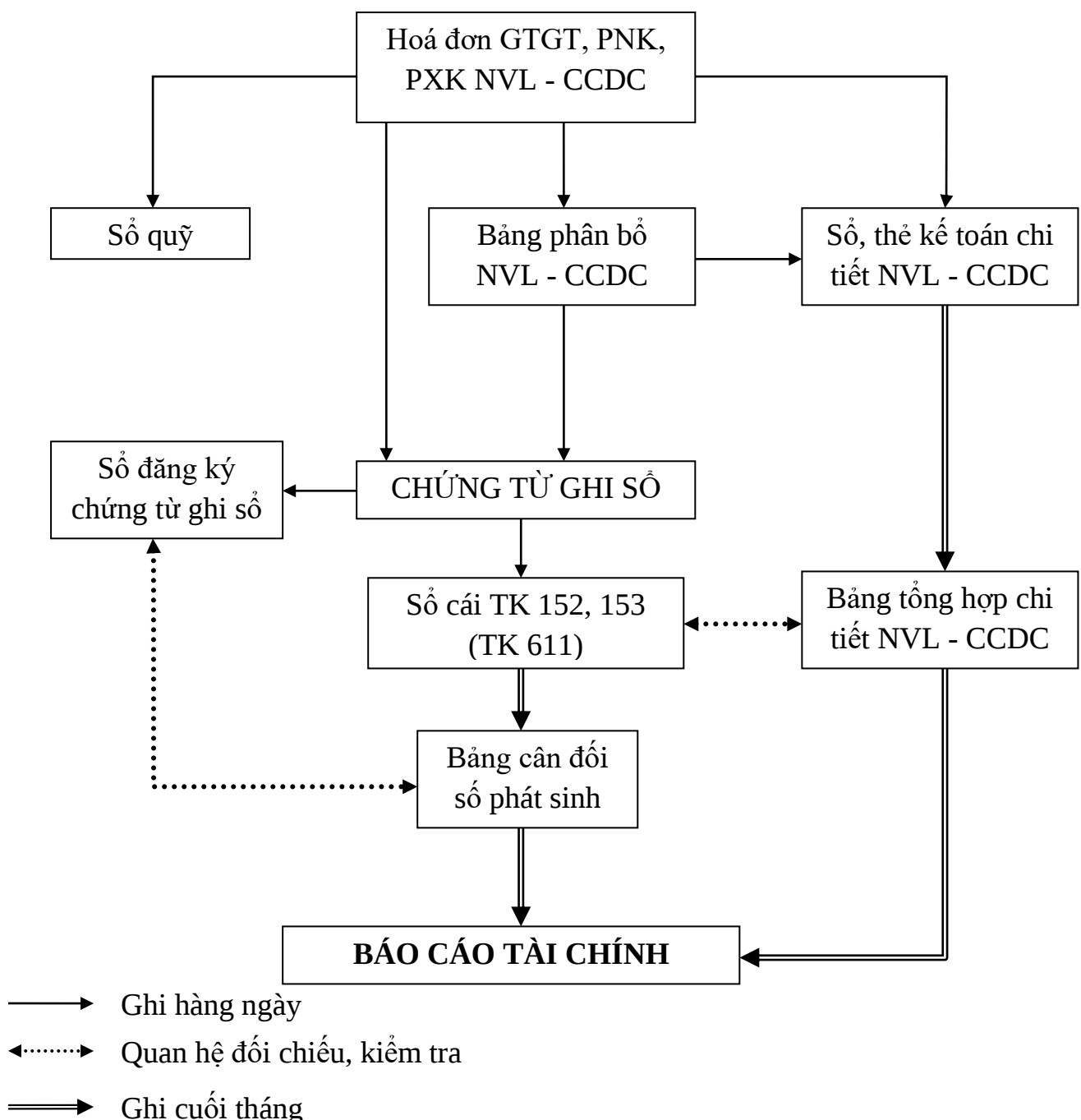
- Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các nhật ký chứng từ, kiểm tra đối chiếu số liệu trên các nhật ký chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết NVL –

CCDC, bảng tổng hợp NVL – CCDC và lấy số liệu tổng cộng của các nhật ký chứng từ để ghi trực tiếp vào sổ cái TK 152, 153 (TK 611).

- Đối với các loại PNK, P XK NVL – CCDC có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết NVL – CCDC thì được ghi trực tiếp vào sổ, thẻ kế toán chi tiết NVL – CCDC. Cuối tháng cộng sổ, thẻ kế toán chi tiết NVL – CCDC và căn cứ vào sổ, thẻ kế toán chi tiết NVL – CCDC để lập bảng tổng hợp chi tiết NVL – CCDC theo từng TK 152, 153 để đối chiếu với sổ cái TK 152, 153.

- Số liệu tổng cộng ở sổ cái TK 152, 153 và số liệu trong sổ nhật ký chứng từ 1, 2, 4, 5, 7, 10, bảng kê 4, 5, 6 và bảng tổng hợp chi tiết NVL – CCDC được dùng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.11: Hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ



- Hàng ngày căn cứ vào các hoá đơn GTGT, PNK, P XK NVL – CCDC đã được kiểm tra để dùng làm căn cứ ghi sổ kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng làm căn cứ để ghi sổ cái TK 152, 153 (TK 611). Các hoá đơn GTGT, PNK, P XK NVL – CCDC sau khi làm căn cứ để lập chứng từ ghi sổ còn được dùng để làm căn cứ ghi sổ, thẻ kế toán chi tiết NVL – CCDC.
- Cuối tháng phải khoá sổ, tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế PS trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số PS Nợ, tổng số PS Có và số dư của từng TK 152, 153 trên sổ cái TK 152, 153. Căn cứ vào sổ cái TK 152, 153 để lập bảng cân đối số PS.
- Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái TK 152, 153 và bảng tổng hợp chi tiết NVL – CCDC (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết NVL – CCDC) được dùng để lập báo cáo tài chính.
- Quan hệ đối chiếu kiểm tra phải đảm bảo tổng số PS Nợ và tổng số PS Có của tất cả các TK trên bảng cân đối số PS phải bằng nhau và bằng tổng số tiền PS trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của tất cả các TK trên bảng cân đối số PS phải bằng nhau và số dư của TK 152, 153 trên bảng cân đối số PS phải bằng số dư của TK 152, 153 tương ứng trên bảng tổng hợp chi tiết NVL – CCDC.

Sơ đồ 1.12: Hình thức ghi sổ kế toán trên máy vi tính



- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các hoá đơn GTGT , PNK, P XK NVL – CCDC hoặc bảng tổng hợp NVL – CCDC đã được kiểm tra để dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định TK 152, 153 ghi Nợ và TK 152, 153 ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.
- Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (sổ cái TK 152, 153), và các sổ, thẻ kế toán chi tiết NVL – CCDC.
- Cuối tháng hoặc bất kì thời điểm nào, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu với số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác trung thực theo thông tin đã nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể làm kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Thực hiện các thao tác để in báo cáo ra giấy.
- Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp (sổ cái TK 152, 153...) và sổ kế toán chi tiết NVL – CCDC được in ra giấy đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

**CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG**

2.1. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty

2.1.1.1. Giới thiệu khái quát về Công ty

Tên doanh nghiệp: **Công ty Cổ phần Điện Cơ Hải Phòng**

Tên giao dịch bằng tiếng anh: **Hai Phong Electrical Mechanical Joint Stock Company.**

Tên viết tắt: **HAPEMCO.**

Vốn điều lệ: **94.922.000.000 đồng.**

Trụ sở chính: **Số 734 Nguyễn Văn Linh- Niệm Nghĩa - Lê Chân - Hải Phòng.**

Cơ sở 2: **Số 20 Đinh Tiên Hoàng – Hồng Bàng – Hải Phòng.**

Điện thoại : **0313.835927 hoặc 0313.783328**

Fax : **0313.857393**

Email : **saleshapemco@gmail.vnn.vn**

Lịch sử hình thành phát triển của công ty

Khoảng chục năm nay, trên thị trường quạt điện Việt Nam đã xuất hiện vô số các loại quạt có “nguồn gốc xuất xứ” khác nhau. Đã xa rồi cái thời mà người người, nhà nhà trung thành duy nhất với những chiếc quạt “con cóc”, quạt trần hay kiểu quạt bàn vừa nhỏ vừa thô của Liên Xô (cũ). Nhu cầu và thói quen tiêu dùng của người dân nay đã khác, gia đình nào cũng có ít nhất 2 đến 3 chiếc quạt, có thể là quạt “Made in Việt Nam”, Trung Quốc hay xịn hơn là quạt Nhật, Thái Lan, Hàn Quốc với nhiều kiểu dáng, mẫu mã đẹp mắt và tiện dụng. Quạt Phong Lan là một trong những thương hiệu Việt Nam khá nổi, được nhiều người tiêu dùng ưa chuộng, tin dùng. Và nơi “sinh ra” sản phẩm này không ai khác chính là Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng.

Giai đoạn hình thành và mở rộng 1961 - 1985

Những năm đầu của thập niên 60 của thế kỷ XX, khi miền Bắc bước vào công cuộc cải tạo tư bản tư doanh, chủ trương của Đảng ta lúc này là thành lập một loạt các nhà máy để sản xuất ra tư liệu sản xuất phục vụ cho công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc. Trong tình hình đó, ***Xí nghiệp Hải Phòng Điện khí*** được phép thành lập theo Quyết định số 169/QĐ-TCCQ ngày 16/3/1961 của UBND Thành phố Hải Phòng. Xí nghiệp được thành lập trên cơ sở sáp nhập 3 cơ sở tư doanh nhỏ trong nội thành Hải Phòng là Xưởng Công Tư hợp doanh Khuy Trai, Xưởng loa truyền thanh và Xí nghiệp 19 - 8. Theo Quyết định thành lập và giấy phép kinh doanh thì Xí nghiệp Hải Phòng Điện khí là đơn vị duy nhất nằm trong vùng Duyên Hải sản xuất các loại quạt điện dân dụng. Từ khi thành lập cho đến nay Xí nghiệp đã trải qua nhiều nấc thăng trầm.

Về kết cấu sản phẩm chủ yếu của doanh nghiệp thời kỳ này gồm 3 sản phẩm chính; sản xuất, phân phối và tiêu thụ theo kế hoạch của Nhà nước là:

- + Động cơ điện 3 pha từ 0,6 KW đến 10 KW.
- + Máy hàn điện 3 pha 380V - 21 KV.
- + Quạt điện dân dụng và công nghiệp.

Về tổ chức bộ máy quản lý mang đầy đủ đặc điểm của thời kỳ bao cấp: Đảng lãnh đạo toàn diện. Vai trò của ban Giám đốc và điều hành không mang tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Về lao động: Số lao động trung bình là 219 người (Lao động gián tiếp 21%, lao động trực tiếp 79%), trình độ lao động thấp, chủ yếu là lao động phổ thông.

Từ năm 1984, Xí nghiệp được đổi tên thành ***Xí nghiệp Điện cơ Hải Phòng***. Có thể nói đây là thời kỳ vàng son của doanh nghiệp, sản phẩm sản xuất ra đến đâu tiêu thụ hết đến đó. Chính vì vậy Xí nghiệp có điều kiện đổi mới, mở rộng sản xuất, mở rộng quy mô, cơ cấu mặt hàng cũng đa dạng. Uy tín của sản phẩm chiếm lĩnh được lòng tin của khách hàng. Xí nghiệp hoàn thành nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh, đạt vượt mức doanh thu của giai đoạn trước. Từ 1984 - 1987, Xí nghiệp đã nhiều lần giữ lá cờ đầu về sản xuất - kinh doanh của Sở Công

ng nghiệp Hải Phòng và được thưởng nhiều huân chương và bằng khen của cấp trên.

Sản phẩm sản xuất là các loại quạt điện, động cơ điện, máy hàn. Trong đó sản phẩm chủ yếu là quạt điện mang nhãn hiệu “Phong Lan”.

Giai đoạn mở rộng và phát triển từ 1986 đến nay

Những năm cuối của thập niên 80, khi đất nước chuyển nền kinh tế từ tập trung, kế hoạch hoá sang nền kinh tế thị trường, Xí nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, nhất là trong khâu tiêu thụ. Nguyên nhân chủ yếu là do hàng hoá nước ngoài tràn vào bằng nhiều con đường khác nhau lấn át hàng nội địa, hàng các Tỉnh phía Nam tràn ra bán tràn lan với giá rẻ lấn át thị phần quạt điện của xí nghiệp. Trong khi đó hàng của Xí nghiệp sản xuất bằng công nghệ đã lạc hậu, chất lượng thấp, giá thành cao, mẫu mã không được đổi mới kịp thời để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Đồng thời đội ngũ Marketing của Xí nghiệp chưa đủ mạnh để thích ứng với đòi hỏi của nền kinh tế mới. Chính vì thế Xí nghiệp đứng trước nguy cơ đóng cửa, công nhân phải nghỉ việc nhiều tháng.

Tháng 10/1992 UBND Thành phố ban hành quyết định số 1208/QĐ - UB ngày 11/10/1992 về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước đối với Xí nghiệp Điện cơ Hải Phòng. Và đến năm 1998 Xí nghiệp được đổi tên thành **Công ty Điện cơ Hải Phòng**. Từ đây đơn vị được hoạt động một cách tự chủ, hạch toán có lãi. Sản phẩm sản xuất là do thị trường quyết định, không còn mang tính kế hoạch hoá như trước đây nữa. Do đó Công ty chỉ sản xuất các loại sản phẩm mà thị trường cần và công ty có thể mạnh.

Sản phẩm chủ yếu là các loại quạt và lồng quạt, cánh quạt các cỡ để phục vụ cho công nghệ sản xuất liên tục tại Công ty và cung cấp các linh kiện quạt cho các bạn hàng cũng sản xuất quạt.

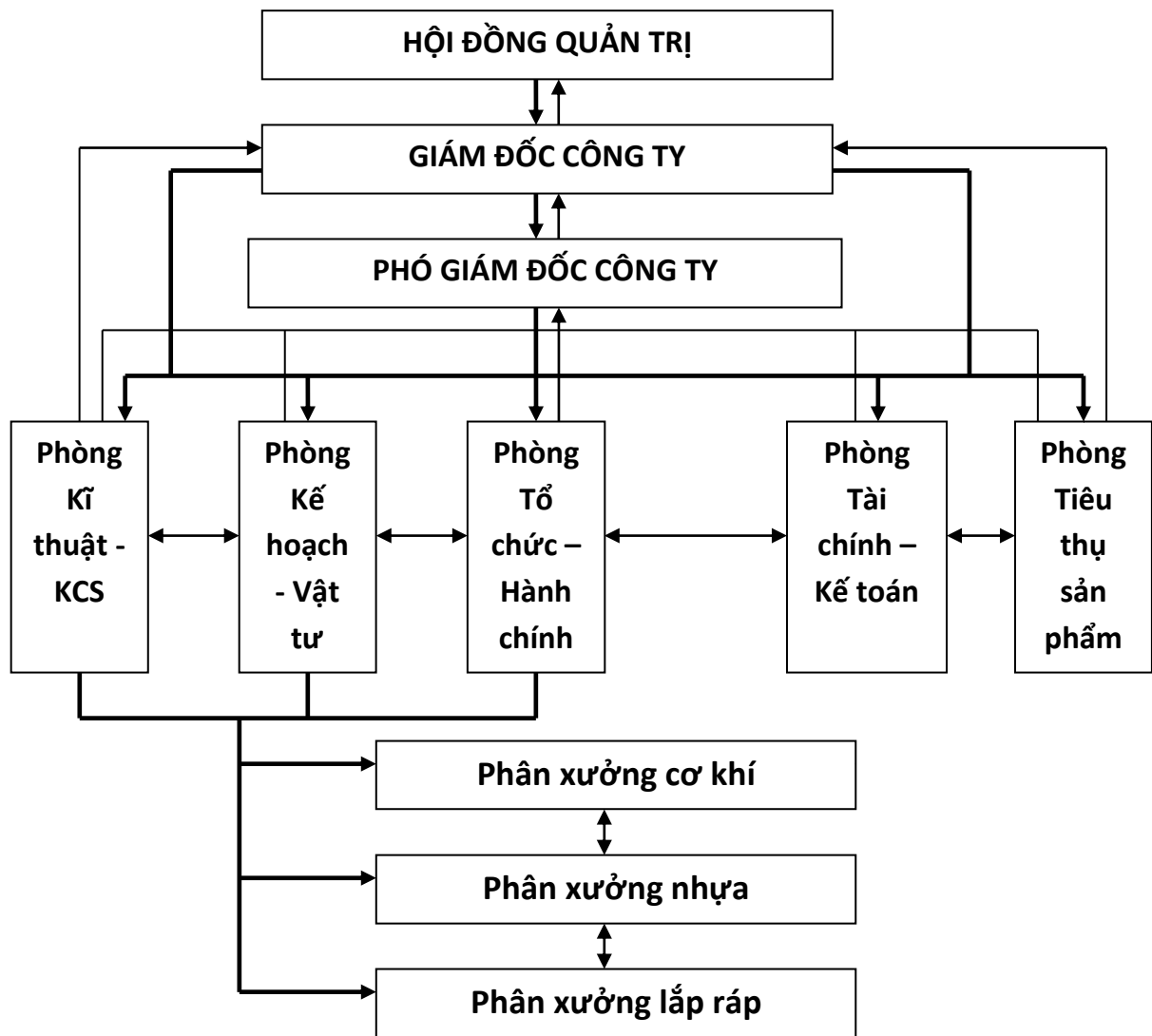
Tháng 4/1998 Công ty đã ký kết với tập đoàn Mitsubaru của Nhật để sản xuất các linh kiện quạt, công nghệ máy móc đã được đầu tư hiện đại như: dây chuyền hàn lồng tự động, dây chuyền phun sơn tĩnh điện.

Từ năm 1999 - 2003 sản phẩm quạt điện Phong lan đã được người tiêu dùng bình chọn là ***hàng Việt Nam chất lượng cao***. Thị trường sản phẩm đã được mở rộng ra ngoài Thành phố cũng như xuất khẩu sang thị trường nước ngoài.

Từ năm 2004 đến nay là giai đoạn Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần. Trong hoàn cảnh kinh tế thị trường phát triển, hội nhập với các nước lân cận, các khu vực kinh tế; Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp tiến hành Cổ phần hoá nhằm đáp ứng nhu cầu mới của nền kinh tế, nhất là nhu cầu về vốn. Ngày 26/12/2003 **Công ty Điện cơ Hải Phòng** được đổi tên thành **Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng** theo Quyết định số 3430/QĐ-UB ngày 26/12/2003 của UBND Thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng số 0203000691 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 13/01/2004.

2.1.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của đơn vị mình, Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng đã tổ chức bộ máy quản lý như sau:

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty CP điện cơ Hải Phòng**Ghi chú:**

—————> Quan hệ trực tuyến

.....> Quan hệ chức năng

Về cơ cấu bộ máy quản lý, Công ty duy trì bộ máy quản lý theo kiểu trực tuyến - chức năng.

Giám đốc Công ty là thủ trưởng cấp cao nhất trong doanh nghiệp, là người trực tiếp điều hành các bộ phận Phòng ban, đồng thời cũng được sự giúp sức của Phó giám đốc Công ty, các Phòng chức năng và các chuyên gia trong việc nghiên cứu, bàn bạc tìm giải pháp tối ưu cho những vấn đề phức tạp. Tuy nhiên

quyền quyết định những vấn đề ấy vẫn thuộc về Giám đốc. Giám đốc Công ty là người đại diện cho Nhà nước, vừa đại diện cho công nhân viên chức quản lý doanh nghiệp theo chế độ một thủ trưởng, có quyền quyết định việc điều hành hoạt động của doanh nghiệp theo đúng kế hoạch, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Nghị quyết của Đại hội công nhân viên chức. Ông là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước và tập thể lao động về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phó giám Công ty chịu trách nhiệm về các lĩnh vực mình phụ trách. Đó là toàn bộ các lĩnh vực Marketing, tìm kiếm khách hàng, tiêu thụ sản phẩm và các lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, dây chuyền sản xuất, xây dựng cơ bản... Ngoài ra Phó giám đốc Công ty còn có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc lập kế hoạch chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.

Các Phòng ban chức năng: Phòng Tổ chức - Hành chính, Kế hoạch - Vật tư, Tài chính - Kế toán, Tiêu thụ sản phẩm và Kỹ thuật - KCS thực hiện chức năng tham mưu cho Giám đốc, Phó giám đốc trong việc ra quyết định. Những quyết định quản lý do các Phòng chức năng nghiên cứu, đề xuất khi được Giám đốc thông qua, biến thành mệnh lệnh và truyền đạt xuống nhân viên cấp dưới.

Phòng Tổ chức - Hành chính có nhiệm vụ tổng hợp chương trình kế hoạch công tác của Công ty; thu thập, xử lý và quản lý các thông tin trong Công ty; truyền đạt các quyết định quản lý của lãnh đạo, theo dõi việc triển khai thực hiện các quyết định, tổng hợp tình hình hoạt động của các đơn vị để báo cáo lãnh đạo; tham mưu, đề xuất các biện pháp phục vụ sự chỉ đạo điều hành của lãnh đạo. Đồng thời Phòng Tổ chức - Hành chính còn có nhiệm vụ tổ chức nhân sự, công tác hành chính và đời sống cán bộ công nhân viên, bảo vệ hàng hoá, máy móc và nhà cửa thiết bị của Công ty.

Phòng Tài chính - Kế toán có nhiệm vụ thực hiện công tác kế hoạch tài chính, tổ chức hạch toán kế toán hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật. Đồng thời có nhiệm vụ cung cấp thông tin giúp cho Giám đốc thực hiện chức năng quản trị và quản lý Công ty.

Phòng Kỹ thuật - KCS có nhiệm vụ quản lý kỹ thuật trong quá trình sản xuất, xây dựng kế hoạch áp dụng công nghệ cũng như tìm tòi, sáng chế về mặt kỹ thuật công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời Phòng Kỹ thuật - KCS còn có chức năng giám sát kỹ thuật trong quá trình sản xuất cũng như kiểm tra chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, Phòng còn chịu trách nhiệm quản lý công nghệ, máy móc định kỳ.

Phòng Kế hoạch - Vật tư có nhiệm vụ hoạch định nhiệm vụ sản xuất kinh doanh ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Đồng thời Phòng cũng có nhiệm vụ hoạch định công tác nhập khẩu, mua máy móc, thiết bị và nguyên vật liệu phục vụ quá trình sản xuất. Bên cạnh đó còn giám sát việc thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp hữu hiệu nhằm đạt được kết quả cao nhất so với kế hoạch đề ra.

Phòng Tiêu thụ sản phẩm tư vấn cho Phó Giám đốc ký kết các hợp đồng xuất nhập khẩu máy móc vật tư, các hợp đồng mua bán, giao dịch với khách hàng và đối tác cũng như thực hiện các hợp đồng mua bán, xuất nhập khẩu.

Trưởng các Phòng ban, Quản đốc phân xưởng được giao toàn quyền trong việc bố trí lao động điều hành công việc cụ thể trong phạm vi quản lý của mình để thực hiện nhiệm vụ được giao. Trưởng các bộ phận có thể giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền cho cấp phó một số công việc và quyền hạn nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm trước Giám đốc về việc phân công và ủy quyền trên.

2.1.3 Một số đặc điểm kinh tế, kỹ thuật cũng như thuận lợi, khó khăn của công ty

2.1.3.1 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất - kinh doanh các loại quạt điện dân dụng và sản xuất.
- Sản xuất - kinh doanh các linh kiện quạt điện và các sản phẩm gia dụng khác.
- Xuất nhập khẩu máy móc, vật tư.

Trong số các hoạt động kinh doanh nêu trên thì hoạt động sản xuất kinh doanh quạt điện với thương hiệu **Phong Lan** là chủ yếu, chiếm phần lớn doanh thu của công ty. Quạt điện Phong Lan hiện nay có rất nhiều chủng loại đáp ứng

các nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng, bao gồm các chủng loại được phản ánh qua bảng sau:

Bảng danh mục sản phẩm quạt điện của Công ty

STT	Tên quạt
1	Quạt bàn các loại: B300, B400.
2	Quạt treo các loại: T400 có đèn, T400 không đèn, T400J, Quạt treo điều khiển KDK, KDK-3MS, Quạt treo T450, Quạt treo công nghiệp.
3	Quạt rút các loại: R400Đ, R400-03, 400J.
4	Quạt tản gió các loại: QH300, QH350.
5	Quạt đứng: đứng 450, HD1476, Đ400E, Đ400N, đứng khiển L23 - KDK.
6	Quạt trần: PL3, PL3 không hộp số
7	Quạt hút: HT-200, HT- 250, HT – 250 đảo chiều
8	Quạt mát hơi nước HM – 01
9	Quạt sưởi bàn HSM-01
10	Quạt nóng lạnh HSM-02
11	Quạt công nghiệp: 650P, 750P
12	Quạt thông gió tròn các loại: 400, 450, 500, 550, 600, 650.
13	Quạt thông gió vuông
14	Quạt đảo trần
15	Quạt hộp 300, 350

(Theo số liệu Phòng Kế hoạch - Vật tư)

Theo bảng trên ta thấy danh mục sản phẩm của Công ty rất đa dạng, bao gồm 15 danh mục sản phẩm, vừa phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, vừa phục vụ cho sản xuất công nghiệp. Sản phẩm quạt cây, quạt trần, quạt rút, quạt treo tường đã rất quen thuộc đối với mỗi người dân Việt Nam. Hiện nay, để đáp ứng nhu cầu của thị trường ngày càng cao, danh mục sản phẩm của Công ty Cổ phần

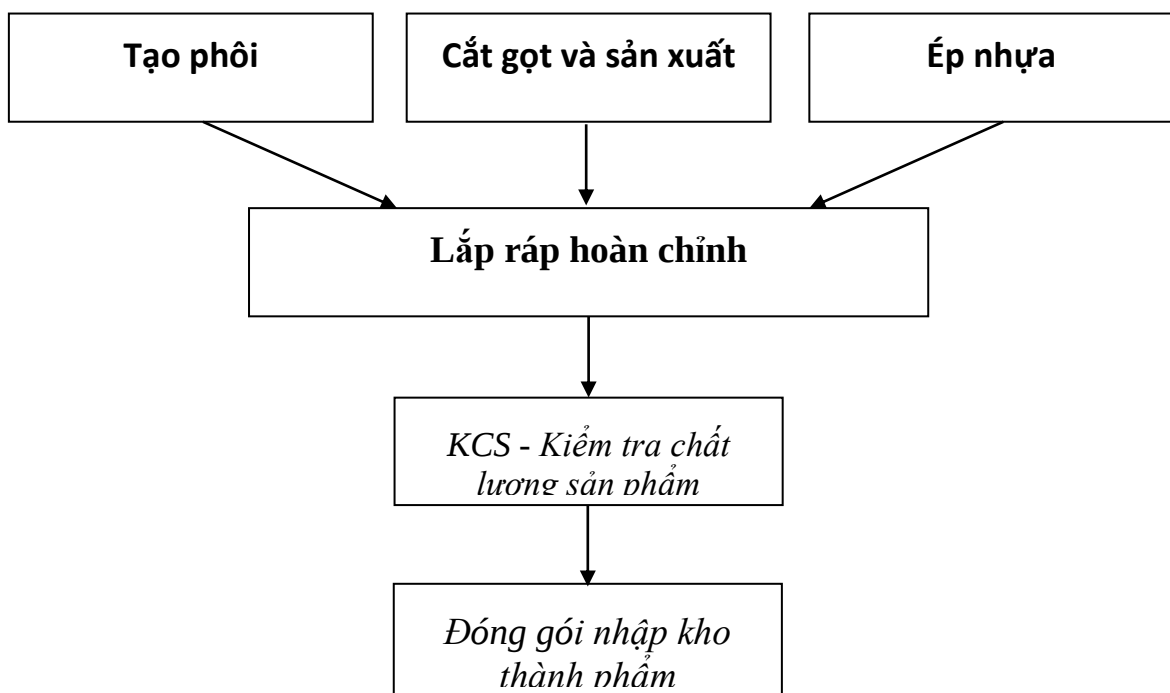
Điện cơ Hải Phòng đã tăng thêm các loại như quạt hộp, quạt thông gió, quạt hộp, quạt nóng lạnh, đặc biệt là sản phẩm quạt mát hơi nước.

Sản phẩm đa dạng, nhiều chủng loại là một điểm mạnh của công ty trong kinh doanh và cạnh tranh trên thị trường. Nhờ đó khách hàng có thể dễ dàng lựa chọn cho mình một sản phẩm vừa ý.

2.1.3.2 Quy trình sản xuất sản phẩm

Quy trình sản xuất quạt điện là một quy trình tổng hợp, khép kín bao gồm các giai đoạn sau: tạo phôi, cắt gọt và sản xuất, ép nhựa, lắp ráp hoàn chỉnh, kiểm tra chất lượng sản phẩm và đóng gói nhập kho thành phẩm. Sau đây là sơ đồ quy trình sản xuất sản phẩm quạt điện cơ

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ quy trình sản xuất tại công ty CP Điện cơ Hải Phòng



Tạo phôi:

- + Đột dập các chi tiết cơ khí, sản xuất các khối tôn từ.
- + Quấn hạ dây động cơ quạt.

Cắt gọt:

- + Gia công cơ khí các chi tiết của động cơ quạt.
- + Sản xuất lồng quạt.

Ép nhựa: Sản xuất các chi tiết kết cấu quạt như: cánh, thân, vỏ nhựa quạt, đế quạt.

Ba giai đoạn tạo phôi, cắt gọt và ép nhựa được tiến hành đồng thời ở các phân xưởng cơ khí và phân xưởng nhựa. Sự hoạt động nhịp nhàng của dây chuyền sản xuất được tiến hành theo kế hoạch của Công ty đề ra.

Lắp ráp quạt: là khâu cuối cùng trong quy trình sản xuất quạt điện. Bán thành phẩm tại các khâu trên được đưa đến phân xưởng lắp ráp để tiến hành lắp ráp quạt thành phẩm.

Sau khi lắp ráp, sản phẩm được đưa sang bộ phận KCS để kiểm tra chất lượng thành phẩm, nếu có sai hỏng thì tùy từng mức độ mà có phương pháp xử lý cho phù hợp. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn được đưa sang bộ phận đóng gói và nhập kho.

Những công đoạn này rất quan trọng trong quá trình tạo ra sản phẩm, chỉ một sơ xuất nhỏ cũng có thể làm sản phẩm sai kỹ thuật, không đạt tiêu chuẩn chất lượng. Công đoạn kiểm tra chất lượng sản phẩm cũng đóng góp một phần quan trọng trong hoạt động sản xuất của doanh nghiệp. Nó ảnh hưởng trực tiếp tới uy tín của doanh nghiệp trên thị trường. Các sản phẩm được tiêu thụ trên thị trường đạt tiêu chuẩn chất lượng, đáp ứng nhu cầu khách hàng sẽ tạo ấn tượng tốt trong lòng khách hàng. Ngược lại, bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm làm việc không hiệu quả để xảy ra hiện trạng có những sản phẩm bị lỗi vẫn được lưu hành trên thị trường sẽ gây ra tâm lý bất mãn cho khách hàng và tạo ấn tượng không tốt trong quá trình sử dụng sản phẩm và tiêu thụ những sản phẩm tiếp sau đó.

2.1.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

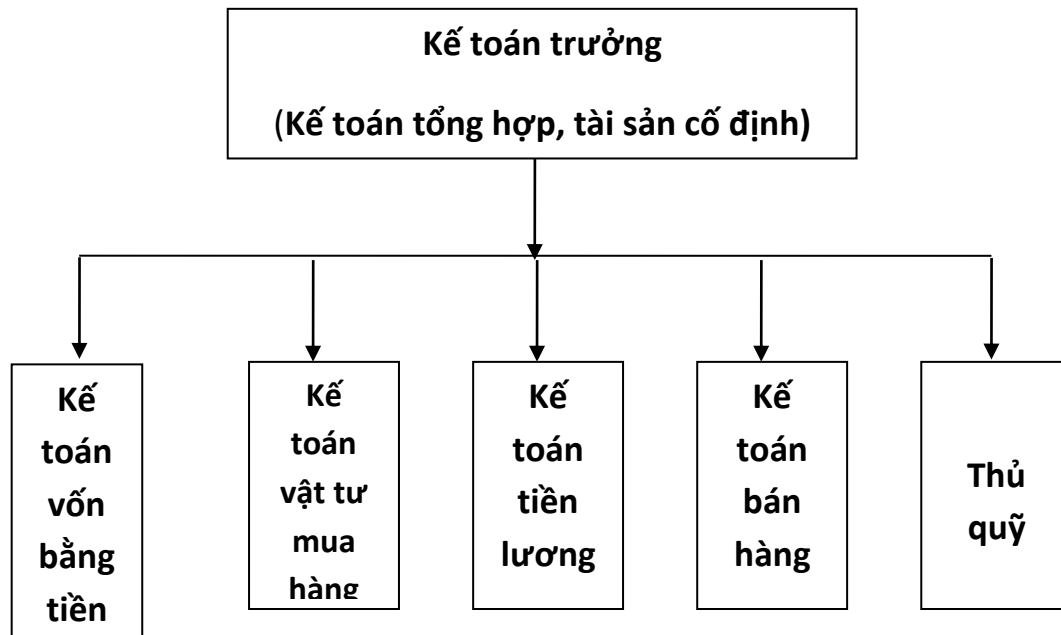
2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Công tác kế toán tại Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng được cụ thể hoá thành các phần hành như sau:

- *Kế toán tổng hợp*
- *Kế toán bán hàng*
- *Kế toán vật tư, mua hàng*
- *Kế toán bằng tiền*
- *Kế toán lương*
- *Kế toán tài sản cố định*

Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy kế toán Công ty CP Điện cơ Hải Phòng



2.1.4.2. Chức năng và nhiệm vụ

* Chức năng của Phòng kế toán:

Là tham mưu giúp Giám đốc thực hiện toàn bộ công tác tài chính kế toán, hạch toán kinh doanh trong toàn Công ty, là bộ phận chỉ đạo quản lý về mặt tài chính kế toán trong đơn vị.

Quản lý tài sản vật tư hàng hóa, cơ sở vật chất kỹ thuật và vốn kinh doanh trong toàn Công ty nhằm phục vụ công tác kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao. Tổng hợp và cân đối tài chính đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, và nguồn vốn của Công ty hoạt động bình thường, đem lại hiệu quả cao, giúp cho Công ty ngày càng được mở rộng và phát triển.

* Nhiệm vụ của phòng kế toán:

- Kế toán trưởng:

Có nhiệm vụ hướng dẫn chế độ, thể lệ kinh tế tài chính cho mọi nhân viên trong phòng Tài chính - Kế toán. Tiến hành tổ chức và điều hành toàn bộ hệ thống kế toán, tham mưu cho Giám đốc về các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đồng thời theo dõi, hạch toán kế toán tài sản cố định.

Khi quyết toán được lập xong, kế toán trưởng có nhiệm vụ thuyết minh, phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh để giúp Ban giám đốc ra quyết định và có biện pháp đúng đắn trong sản xuất kinh doanh. Như vậy, kế toán trưởng phải chịu trách nhiệm về mọi số liệu trong bảng báo cáo tài chính của công ty.

- Kế toán vật tư: phụ trách khâu nhập kho, xuất kho, tồn kho, tình hình sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thực hiện báo cáo kịp thời.

- Kế toán bán hàng: theo dõi tình hình bán hàng hoá thành phẩm và bán thành phẩm, đồng thời theo dõi công nợ phải thu khách hàng trên tài khoản 131.

- Kế toán tiền lương: thực hiện nghiệp vụ kế toán tiền lương, thực hiện quản lý quỹ lương, quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN thực hiện việc chi trả lương thưởng cho nhân viên, lao động trong doanh nghiệp. Nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo quy định.

- Thủ quỹ: cùng với kế toán bằng tiền theo dõi việc thu, chi tiền mặt tại quỹ, kiểm kê báo cáo quỹ hàng ngày.

- Nguyên tắc đánh giá tài sản theo nguyên giá và giá trị còn lại của TSCĐ

- Phương pháp khấu hao và các trường hợp khấu hao đặc biệt áp dụng theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo QĐ số 206/2003/QĐ- BTC ngày 12/12/2003 của Bộ tài chính.

- * Phương pháp kế toán hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá : theo giá trị thực tế.

- Phương pháp xác định giá trị hàng xuất trong kỳ theo phương pháp nhập trước xuất trước

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên.

- Đơn vị áp dụng phương pháp tính thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG

2.2.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty

2.2.1.1 Đặc điểm

Đặc điểm của doanh nghiệp ảnh hưởng đến nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng đã trải qua thời gian hoạt động rất lâu với cơ sở hoạt động kinh doanh rất rộng. Hàng năm, số lượng sản xuất quạt rất lớn và nhiều chủng loại. Vì thế, lượng nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ sử dụng rất đa dạng và nhiều chủng loại với nhiều công dụng chức năng khác nhau.

Hầu hết các loại vật liệu đều sử dụng trực tiếp cấu thành nên thực thể sản phẩm. Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỉ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất. Qua đó thấy được vai trò quan trọng của NVL

2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

a. Phân loại nguyên vật liệu

Để phục vụ cho việc sản xuất hoạt động kinh doanh, Công ty đã sử dụng nhiều loại vật liệu, mỗi loại có công dụng và chức năng khác nhau. Do vậy mà Công ty phải phân loại nguyên liệu, vật liệu ra một cách rõ ràng để đảm bảo cho việc sử dụng nguyên liệu, vật liệu một cách có hiệu quả nhất. Nguyên vật liệu tại Công ty được phân loại theo công dụng chủ yếu và tính năng sử dụng.

- ***Nguyên vật liệu chính:*** là những loại nguyên liệu, vật liệu sau khi quá trình gia công chế biến sẽ cấu thành hình thái vật chất của sản phẩm. Cụ thể là các loại sắt thép, dây thép (dùng để sản xuất lồng quạt), thép 2 li (dùng để sản xuất khung đỡ động cơ quạt), thép 3 li (dùng để sản xuất cánh quạt trần), nhôm đồng các loại....
- ***Nguyên vật liệu phụ:*** là các nguyên vật liệu có tác dụng phụ trong quá trình sản xuất kinh doanh, nó kết hợp với nguyên vật liệu chính để hoàn thiện tính năng, chất lượng sản phẩm. Nguyên vật liệu phụ tại công ty bao gồm nguyên liệu nhựa các loại, linh kiện nhựa các loại, bột sơn, dây nguồn, tụ điện, phím điều khiển....

- **Nhiên liệu:** là những vật liệu cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất sản phẩm, dùng để bôi trơn máy móc thiết bị. Tại Công ty sử dụng những nhiên liệu như: xăng, dầu, nhớt, mỡ bôi, ...
- **Phụ tùng thay thế:** tại Công ty sử dụng các loại phụ tùng thay thế cho máy móc, thiết bị vận tải...

b. Phân loại công cụ dụng cụ

- Do tính chất đặc thù của ngành sản xuất quạt dân dụng, số lượng công cụ dụng cụ nhập xuất hàng tháng nhiều nhưng giá trị không lớn và không ảnh hưởng nhiều đến giá thành sản phẩm nên thông thường khi Công ty mua công cụ dụng cụ về sẽ xuất hết một lần toàn bộ giá trị chứ không phân bổ.
- Vì vậy, ở Công ty đối với công cụ dụng cụ thì không có phân loại chính thức chỉ có phân loại theo nơi sử dụng như:
 - Công cụ dụng cụ lưu động
 - Công cụ dụng cụ là máy móc nhỏ phục vụ sản xuất
 - Công cụ dụng cụ là phương tiện phục vụ công tác hành chính văn phòng.
 - Dụng cụ quản lý, bảo hộ lao động

2.2.1.3. Phương pháp đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

a. Đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng dùng phương pháp đánh giá nguyên vật liệu theo giá thực tế nhập kho.

- *Đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho do mua ngoài*

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá mua} & & \text{Thuế} & & \text{Chi phí} \\ \text{NVL, CDC} & = & \text{ghi trên} & + & \text{nhập} & + & \text{thu mua} & - & \text{Các khoản} \\ \text{nhập kho} & & \text{hoá đơn} & & \text{khẩu} & & \text{thực tế} & & \text{giảm trừ} \end{array}$$

- *Đối với nguyên vật liệu tự sản xuất:*

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá thực tế NVL} & & \text{Giá thực tế vật} & & \text{Chi phí chế} \\ \text{nhập kho} & = & \text{liệu xuất chế biến} & + & \text{biến} \end{array}$$

- *Giá gốc nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:*

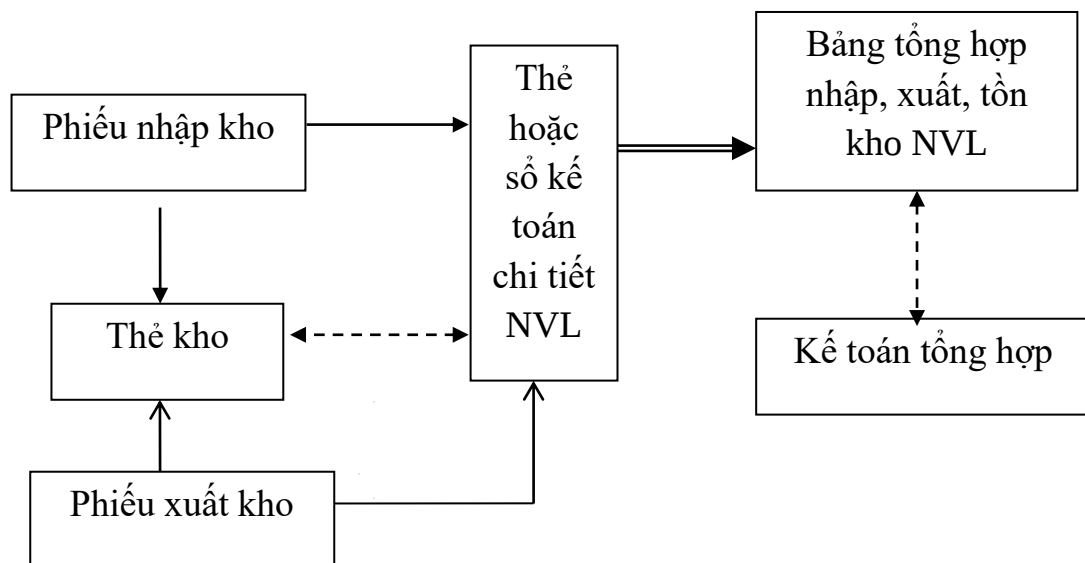
$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{NVL nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế vật liệu ,} \\ \text{CCDC xuất thuê ngoài} \\ \text{gia công} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{gia công} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{vận chuyển} \end{array}$$

b. Đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho

Tại Công ty có nhiều nguyên vật liệu được nhập nhiều lần, mà mỗi lần nhập có giá trị khác nhau. Như vậy, kế toán có trách nhiệm xác định được giá trị của từng loại nguyên vật liệu trong mỗi lần xuất kho. Do vậy, để dễ dàng và đơn giản hơn trong công tác kế toán, Công ty đã áp dụng phương pháp Nhập trước-xuất trước để tính giá xuất kho cho nguyên vật liệu.

2.2.2. Thực trạng kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Sơ đồ 2.4 : Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL, CCDC theo phương pháp thẻ song song tại công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng



❖ Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ví dụ 1:

- Ngày 05/10/2015, xuất 10.000 bộ phôi thép 230 phục vụ cho sản xuất
Tồn đầu kỳ: số lượng 5.500 bộ, thành tiền 825.000.000

Nhập trong kỳ:

Ngày 04/10 nhập 10.000 bộ, giá 143.000 đ/bộ

=>trị giá nhập: $10.000 \times 143.000 = 1.430.000.000$

Ngày 5/10, xuất 10.000 bộ phôi thép 230 phục vụ cho sản xuất :

$$\begin{aligned}\Rightarrow \text{Trị giá xuất kho ngày 5/10} &= 825.000.000 + 4.500 \cdot 143.000 \\ &= 1.468.500.000\end{aligned}$$

Ngày 10/10/2015, nhập 10.000 bộ phôi thép 230

Đơn giá mua phôi thép là : 150.000đ /1bộ(chưa bao gồm VAT 10%).Đã thanh toán hết bằng tiền gửi ngân hàng

Ví dụ 2:

- Ngày 06/10/2015, xuất 1.500 bộ thân quạt phục vụ sản xuất

Tồn đầu kỳ: số lượng 1.000, thành tiền 420.000.000 đ.

Nhập trong kỳ:

Ngày 03/10 nhập 2.000 bộ, giá 400.000 đ/bộ

$$\Rightarrow \text{Trị giá nhập: } 2.000 \cdot 400.000 = 800.000.000$$

Ngày 6/10, xuất 1.500 bộ thân quạt phục vụ sản xuất

$$\begin{aligned}\Rightarrow \text{Trị giá xuất kho ngày 6/10} &= 420.000.000 + 500 \cdot 400.000 \\ &= 620.000.000\end{aligned}$$

- Ngày 07/10/2015 nhập 2.500 bộ thân quạt

Đơn giá mua thân quạt là : 420.000 đ/1bộ (chưa bao gồm VAT 10%), chưa trả người bán.

Phiếu xuất kho:(Nguồn : Phòng kế toán của Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng)

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Mẫu số 02 - VT

Số 734 Nguyễn Văn Linh, Vĩnh Niệm,
Lê Chân, Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 10 năm 2015

Số: 913

Nợ: 621

Có: 152

- Họ và tên người nhận hàng: Vũ Chí Thắng

Địa chỉ (bộ phận):

- Lý do xuất kho: Xuất phục vụ sản xuất

- Xuất tại kho : Công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ,	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Phôi thép		Bộ	5.500	5.500	150.000	825.000.000
			Bộ	4.500	4.500	143.000	643.500.000
	Cộng			10.000	10.000		1.468.500.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một tỷ bốn trăm sáu mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng chẵn/

Xuất, Ngày 05 tháng 10 năm 2015

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Phiếu xuất kho: (Nguồn : Phòng kế toán của Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng)

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng **Mẫu số 02 - VT**

Số 734 Nguyễn Văn Linh, Vĩnh (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Niêm, Lê Chân, Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 06 tháng 10 năm 2015

Số: 917

Nợ: 621

Có: 152

- Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Thị Kim Dung

Địa chỉ (bộ phận):

- Lý do xuất kho: Xuất phục vụ sản xuất

- Xuất tại kho : Công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thân quạt		Bộ	1.000	1.000	420.000	420.000.000
			Bộ	500	500	400.000	200.000.000
	Cộng			1.500	1.500		620.000.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Sáu trăm mười hai triệu đồng chẵn/

Xuất, Ngày 06 tháng 10 năm 2015

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0025632(Nguồn : Phòng kế toán của Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng)

HÓA ĐƠN		Mẫu số : 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Kí hiệu : VL/15P			
(Liên 2 : Giao cho khách hàng)		Số : 0025632			
Ngày 07 tháng 10 năm 2015					
Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH Mitsubishi Việt nam					
Mã số thuế :0200367200					
Địa chỉ : P. 01-04, Lầu 10, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Q. 1,Tp. Hồ Chí Minh (TPHCM)					
Điện thoại : (08) 39105945					
Số tài khoản : 0031000030567 tại NH Techcombank – CN TP HCM					
Đơn vị mua hàng : Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng					
Mã số thuế :0200580118					
Địa chỉ : Số 734 đường Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Điện thoại : 031.3786488 – 031.3783328					
Hình thức thanh toán : Chuyển khoản					
Số tài khoản : 160314851003622					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thân quạt	Bộ	2.500	420.000	1.050.000.000
Cộng tiền hàng					1.050.000.000
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT		105.000.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					1.155.000.000
Số tiền viết bằng chữ :Một tỷ một trăm năm mươi lăm triệu đồng/.					
Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0025637 (Nguồn : Phòng kế toán của Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng)

HÓA ĐƠN			Mẫu số : 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Kí hiệu : VL/15P		
(Liên 2 : Giao cho khách hàng)			Số : 0025637		
Ngày 10 tháng 10 năm 2015					
Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH Lập Phúc					
Mã số thuế :0200367200					
Địa chỉ : 20 Lê Lợi – Ngô Quyền – Hải Phòng					
Điện thoại : 0313.798886					
Số tài khoản : 0031000030867 tại NH Vietcombank – CN Hải Phòng					
Đơn vị mua hàng : Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng					
Mã số thuế :0200580118					
Địa chỉ : Số 734 đường Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Điện thoại : 031.3786488 – 031.3783328					
Hình thức thanh toán : Chuyển Khoản					
Số tài khoản : 160314851003622					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Phôi thép 230	Bộ	10.000	150.000	1.500.000.000
Cộng tiền hàng					1.500.000.000
Thuế suất GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		150.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					1.650.000.000
Số tiền viết bằng chữ :Một tỷ sáu trăm lăm mươi triệu đồng chẵn/.					
Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Phiếu nhập kho(Nguồn : Phòng kế toán của Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng)

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Mẫu số 01 - VT

Số 734 Nguyễn Văn Linh, Vĩnh Niệm, (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Lê Chân, Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU NHẬP KHO

Số 910

Ngày 07 tháng 10 năm 2015

Họ tên người bán: Công ty TNHH Mitsubisi VN Nhập tại kho: Kho NVL
Địa chỉ: P. 01-04, Lầu 10, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh
(TPHCM)

Số HĐ: 0025632

Ngày 07/10/2015

Người giao dịch: Vũ Tuấn Anh

Diễn giải : *Mua thân quạt*

Tên, quy cách VT	Mã vật tư	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Thân quạt		Bộ	2.500	420.000	1.050.000.000
Tổng					1.050.000.000

Số tiền bằng chữ: Một tỷ không trăm lăm mươi triệu đồng chẵn/

Xuất, Ngày 07 tháng 10 năm 2015

Người lập phiếu	Người nhận	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
	hàng			
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Phiếu nhập kho (Nguồn : Phòng kế toán của Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng)

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng
Số 734 Nguyễn Văn Linh, Vĩnh Niệm,
Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số 01 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU NHẬP KHO
Ngày 10 tháng 10 năm 2015

Số 915

Họ tên người bán: Công ty TNHH Lập Phúc

Nhập tại kho: Kho NVL

Địa chỉ: 20 Lê Lợi – Ngô Quyền – Hải Phòng

Số HĐ: 0025637

Ngày 10/10/2015

Người giao dịch: Phạm Tiến Dũng

Diễn giải : *Mua phôi thép 230 theo HĐ: 0025637 ngày 10/10/2015*

Tên, quy cách VT	Mã vật tư	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Phôi thép 230		Bộ	10.000	150.000	1.500.000.000
Tổng cộng tiền hàng					1.500.000.000

Số tiền bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng

Xuất, Ngày 10 tháng 10 năm 2015

Người lập phiếu

Người nhận

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

hàng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Thẻ kho(Nguồn : Phòng kế toán của Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng)

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Mẫu số S12 - DN

Số 734 Nguyễn Văn Linh, Vĩnh (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THẺ KHO

Phôi thép (230)

Tháng 10/2015

ĐVT: vnd

Chứng từ		Diễn giải	Số lượng		
SH	Ngày tháng		Nhập	Xuất	Tồn
C	D	E	1	2	3
		SDDK			<u>5.500</u>
		SPS			
PN903	04/10	Nhập kho NVL	10.000		15.500
PX 913	05/10	Xuất kho phục vụ sản xuất		10.000	5.500
PN 915	10/10	Nhập kho NVL	10.000		15.500
					
		Cộng	35.000	32.700	
		Tồn cuối kỳ			<u>7800</u>

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Thẻ kho(Nguồn : Phòng kế toán của Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng)

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Mẫu số S12 - DN

Số 734 Nguyễn Văn Linh, Vĩnh Niệm, (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Lê Chân, Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THẺ KHO

Thân quạt

Tháng 10/2015

DVT: vnd

Chứng từ		Diễn giải	Số lượng		
SH	Ngày tháng		Nhập	Xuất	Tồn
C	D	E	1	2	3
		SDDK			<u>1.000</u>
		SPS			
PN898	03/12	Nhập kho NVL	2.000		3.000
PX917	06/10	Xuất cho bộ phận sản xuất		1.500	1.500
PN910	07/10	Nhập kho NVL	2.500		4.000
					
		Cộng phát sinh	25.000	20.550	
		Tồn cuối kỳ			<u>5.450</u>

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Sổ chi tiết nguyên liệu (Nguồn : Phòng kế toán của Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng)

Đơn vị : Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU DỤNG CỤ HÀNG HÓA SẢN PHẨM

Tháng 10 năm 2015

Tên ,quy cách hàng hóa: Phôi thép Q230

Tài khoản : 152 Tại kho: Kho 01 Đơn vị: BỘ

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		Số dư đầu kỳ		150.000					5.500	<u>825.000.000</u>
....			...	...						
PN903	04/10	Nhập phôi thép Q230	331	143.000	10.000	1.430.000.000			15.500	2.255.000.000
PX913	05/10	Xuất phôi thép Q230	621	150.000 143.000			5.500 4.500	825.000.000 643.500.000	10.000 5.500	1.430.000.000 786.500.000
....			...	...						
		Cộng SPS			35.000	2.864.000.000	32.700	2.503.400.000		
		Số dư cuối kỳ		152.000					7.800	<u>1.185.600.000</u>

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Sổ chi tiết nguyên liệu(Nguồn : Phòng kế toán của Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng)

Đơn vị : Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU DỤNG CỤ HÀNG HÓA SẢN PHẨM

Tháng 10 năm 2015

Tên ,quy cách hàng hóa: Thân quạt (SC2000Z)

Tài khoản : 152 Tại kho: Kho 01 Đơn vị: BỘ

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		Số dư đầu kỳ		420.000					1.000	<u>420.000.000</u>
....			...	...						
PN898	04/10	Nhập thân quạt	331	400.000	2.000	800.000.000			3.000	1.220.000.000
....			...	...						
PX917	06/10	Xuất thân quạt	621	420.000 400.000			1.000 500	420.000.000 20.000.000	2.000 1.500	800.000.000 780.000.000
....			...	...						
		Cộng SPS			25.000	4.401.250.000	20.550	2.505.000.000		
		Số dư cuối kỳ		425.000					5.450	<u>2.316.250.000</u>

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Bảng tổng hợp chi tiết nhập-xuất-tồn nguyên vật liệu(Nguồn : Phòng kế toán của Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng)

Công ty cổ phần Điện Cơ Hải Phòng

Số 734 Nguyễn Văn Linh, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NHẬP - XUẤT - TỒN NGUYÊN VẬT LIỆU**TÀI KHOẢN: 152****Tháng 10 năm 2015**

S TT	Tên vật tư	Tồn đầu tháng		Nhập trong tháng		Xuất trong tháng		Tồn cuối tháng	
		SL	TT	S.L	TT	SL	TT	SL	TT
1	Phôi thép (bộ)	5.500	825.000.000	35.000	2.864.000.000	32.700	2.503.400.000	7.800	<u>1.185.600.000</u>
2	Thân quạt (bộ)	1.000	420.000.000	25.000	4.401.250.000	20.550	2.505.000.000	5.450	<u>2.316.250.000</u>
									
	Cộng		3.526.452.300		3.482.970.183		1.456.321.120		5.553.101.363

Ngày 31 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng

2.2.3.1 KẾ TOÁN TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU

- Do tính chất đặc điểm của Công ty, để dễ dàng đối chiếu phát hiện sai sót trong quá trình hạch toán kế toán Công ty hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên nhằm phản ánh các nghiệp vụ phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh, đồng thời tránh nhầm lẫn trong việc hạch toán và có đầy đủ số liệu để đối chiếu giữa các bộ phận khi cần thiết.

- Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho
- Phiếu lãnh vật tư
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho, nhập kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Phiếu xuất kho vật tư theo hạn mức
- Hợp đồng mua bán
- Phiếu kiêm vận chuyển nội bộ
- Biên bản kiểm tra chất lượng
- Khi hoàn thiện, bộ chứng từ sẽ chuyển qua phòng kế toán để lập phiếu đề nghị thanh toán.

- Tài khoản sử dụng

- TK 152: Nguyên liệu, vật liệu
- TK 151: Hàng mua đang đi đường.
- Các Tài khoản khác có liên quan.

❖ Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

❖ Ngày 05/10/2015, xuất 10.000 bộ phôi thép 230 phục vụ cho sản xuất
Tồn đầu kỳ: số lượng 5.500 bộ, thành tiền 825.000.000

Nhập trong kỳ:

Ngày 04/10 nhập 10.000 bộ, giá 143.000 đ/bộ

=>trị giá nhập: $10.000 \times 143.000 = 1.430.000.000$

Ngày 5/10, xuất 10.000 bộ phôi thép 230 phục vụ cho sản xuất :

$$\begin{aligned} \Rightarrow \text{Trị giá xuất kho ngày 5/10} &= 825.000.000 + 4.500 \cdot 143.000 \\ &= 1.468.500.000 \end{aligned}$$

Kế toán định khoản:

Nợ TK 621: 1.468.500.000

Có TK 152: 1.468.500.000

Ghi sổ: từ phiếu xuất kho ghi vào sổ NKC, sổ cái TK 152. Đồng thời ghi sổ chi tiết TK 152, cuối tháng tập hợp ghi vào bảng tổng hợp TK 152.

Ngày 10/10/2015, nhập 10.000 bộ phôi thép 230

Đơn giá mua phôi thép là : 150.000vnd /1bộ(chưa bao gồm VAT 10%). Đã thanh toán hết bằng tiền gửi ngân hàng

Định khoản

Nợ TK 152 : 1.500.000.000

Nợ TK 133 : 150.000.000

Có TK112 : 1.650.000.000

Ghi sổ: Từ hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, kế toán ghi vào sổ NKC, sổ cái TK 152. Đồng thời ghi sổ chi tiết TK 152, cuối tháng tập hợp ghi vào bảng tổng hợp 152

❖ Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

❖ Ngày 06/10/2015, xuất 1.500 bộ thân quạt phục vụ sản xuất

Tồn đầu kỳ: số lượng 1.000, thành tiền 420.000.000 vnd.

Nhập trong kỳ:

Ngày 03/10 nhập 2.000 bộ, giá 400.000 vnd/bộ

$$\Rightarrow \text{Trị giá nhập: } 2.000 \cdot 400.000 = 800.000.000$$

Ngày 6/10, xuất 1.500 bộ thân quạt phục vụ sản xuất

$$\begin{aligned} \Rightarrow \text{Trị giá xuất kho ngày 6/10} &= 420.000.000 + 500 \cdot 400.000 \\ &= 620.000.000 \end{aligned}$$

Kế toán định khoản:

Nợ TK 621: 620.000.000

Có TK 152: 620.000.000

Ghi sổ: từ phiếu xuất kho ghi vào sổ NKC, sổ cái TK 152. Đồng thời ghi sổ chi tiết TK 152, cuối tháng tập hợp ghi vào bảng tổng hợp TK 152.

- Ngày 07/10/2015 nhập 2.500 bộ thân quạt

Đơn giá mua thân quạt là : 420.000đ /1bộ (chưa bao gồm VAT 10%), đã thanh toán hết bằng TGNH

Định khoản

Nợ TK 152 : 1.050.000.000

Nợ TK 133 : 105.000.000

Có TK112 : 1.155.000.000

Ghi sổ: Từ hóa đơn GTGT ,phiếu nhập kho,kế toán ghi vào sổ NKC, sổ cái TK 152.

Trích sổ nhật ký chung (Nguồn : Phòng kế toán của Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng)

Mẫu số S03-DN

Đơn vị: công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Địa chỉ: số 734 Nguyễn Văn Linh, Vĩnh Niệm Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Lê Chân, Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....			...		
PX913	05/10/2015	Xuất Phôi thép phục vụ sản xuất	621 152	1.468.500.000	1.468.500.000
PX917	06/10/2015	Xuất thân quạt phục vụ sản xuất	621 152	620.000.000	620.000.000
HĐ 0025632 PN910	07/10/2015	Mua NVL thanh toán bằng chuyển khoản	152 133 112	1.050.000.000 105.000.000	1.155.000.000
HĐ 0025637 PN915	10/10/2015	Mua NVL thanh toán bằng chuyển khoản	152 133 112	1.500.000.000 150.000.000	1.650.000.000
.....			...		
		Cộng phát sinh		310.376.256.855	310.376.256.855

Ngày 31/10/2015

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Sổ cái TK 152(Nguồn : Phòng kế toán của Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng)

Cty CP Điện Cơ Hải Phòng

SỔ CÁI

Từ 01/10/2015 đến 31/10/2015

Tài khoản : 152

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		<u>8.241.487.800</u>	
.....			...		
PX913	05/10/2015	Xuất phôi thép phục vụ sản xuất	621		1.468.500.000
PX917	06/10/2015	Xuất thân quạt phục vụ sản xuất	621		620.000.000
HĐ 0025632 PN910	07/10/2015	Mua NVL thanh toán bằng chuyển khoản	112	1.650.000.000	
.....			...		
HĐ 0025637 PN915	10/10/2015	Mua NVL thanh toán bằng TGNH	112	1.155.000.000	
.....			...		
		Cộng số phát sinh		173.246.455.281	157.824.932.456
		Số dư cuối kỳ		<u>23.663.010.625</u>	

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31/10/2015
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3.2 KẾ TOÁN TỔNG HỢP CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Cũng như nguyên vật liệu, Công ty cũng hạch toán công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên để phản ánh theo dõi tình hình nhập xuất tồn của công cụ dụng cụ trong quá trình sản xuất và hoạt động của Công ty.

- Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng mua bán
- Hóa đơn bán hàng thông thường hoặc hóa đơn GTGT
- Phiếu nhập kho, xuất kho
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ

- Tài khoản sử dụng

- Đối với công cụ dụng cụ, Công ty sử dụng tài khoản 153 “Công cụ dụng cụ” phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn công cụ dụng cụ.
- Tài khoản 153 mở chi tiết các tài khoản sau:

TK 1531: Phụ tùng thay thế

TK 1532: Máy móc nhỏ phục vụ sản xuất

TK 1533: Phương tiện phục vụ công tác hành chính văn phòng

a. Trường hợp nhập kho công cụ dụng cụ

❖ Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

- Ngày 07/11/2015, căn cứ vào phiếu nhập kho số 932 công ty nhập kho 500 bộ quần áo bảo hộ lao động, đơn giá 68.000 đ/bộ.

+ Thuế GTGT 10%

+ Thanh toán bằng TGNH. Kế toán ghi nhận:

Nợ TK 1531: 34.000.000

Nợ TK 1331: 3.400.000

Có TK 112: 37.400.000

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0025640(Nguồn : Phòng kế toán của Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 2 : Giao cho khách hàng) Ngày 07 tháng 11 năm 2015			Mẫu số : 01GTKT3/001 Kí hiệu : CCDC/15P Số : 0025640		
Đơn vị bán hàng: CTY TNHH Bảo An Địa chỉ: 63 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng Số tài khoản: 0301193494-1 Điện thoại: 031-38211211					
Đơn vị mua hàng : Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng Mã số thuế :0200580118 Địa chỉ : Số 734 đường Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam Điện thoại : 031.3786488 – 031.3783328 Hình thức thanh toán : TGNH Số tài khoản : 160314851003622					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Quần áo bảo hộ lao động	Cái	500	68.000	34.000.000
Cộng tiền hàng					34.000.000
Thuế suất GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		3.400.000
Tổng cộng tiền thanh toán					37.400.000
Số tiền viết bằng chữ : Ba mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng					
Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Phiếu nhập kho(Nguồn : Phòng kế toán của Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng)

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng
Số 734 Nguyễn Văn Linh, Vĩnh Niệm,
Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số 01 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU NHẬP KHO

Số 932

Ngày 07 tháng 11 năm 2015

Họ tên người bán: Công ty TNHH Bảo An

Kèm theo: HĐ 0025640

Thuế VAT: 10.00%

Nhập tại kho:

Nội dung: Mua hàng

Tên, quy cách VT	Mã vật tư	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Quần áo bảo hộ	Cái	500	68.000	34.0 00.000
Cộng hóa đơn					34.000.000

Số tiền bằng chữ: Ba mươi tư triệu đồng chẵn

*Xuất, Ngày 07 tháng 11 năm 2015***Người lập phiếu****Người nhận
hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng****Giám đốc***(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)*

- Ngày 12/11/2015, căn cứ vào phiếu nhập kho số 935 Công ty nhập kho 4 máy tính hiệu Acer phục vụ cho Phòng kế toán, đơn giá 8.500.000 đ/cái.

+ Thuế GTGT 10%

+ Chưa thanh toán. Kế toán ghi nhận:

Nợ TK 153: 31.600.000

Nợ TK 133: 3.160.000

Có TK 331: 34.760.000

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0025645 (Nguồn : Phòng kế toán của Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng)

HÓA ĐƠN			Mẫu số : 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Kí hiệu : CCDC/15P		
(Liên 2 : Giao cho khách hàng)			Số : 0025645		
Ngày 12 tháng 11 năm 2015					
Đơn vị bán hàng: CTY Máy tính Hoàng Phát					
Địa chỉ: Số 2 Lê Hồng Phong Đông Khê Hải Phòng					
Số tài khoản: 0301193494-1					
Điện thoại: 031.3457127					
Đơn vị mua hàng : Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng					
Mã số thuế :0200580118					
Địa chỉ : Số 734 đường Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Điện thoại : 031.3786488 – 031.3783328					
Hình thức thanh toán : Chưa thanh toán					
Số tài khoản : 160314851003622					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy tính Acer	Cái	04	8.500.000	31.600.000
Cộng tiền hàng					31.600.000
Thuế suất GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		3.160.000
Tổng cộng tiền thanh toán					34.760.000
Số tiền viết bằng chữ : Ba mươi tư triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng					
Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Phiếu nhập kho(Nguồn : Phòng kế toán của Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng)

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng
Số 734 Nguyễn Văn Linh, Vĩnh Niệm,
Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số 01 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU NHẬP KHO

Số 935

Ngày 12 tháng 11 năm 2015

Họ tên người bán: Công ty máy tính Hoàng Phát Kèm theo: HĐ 0025645

Thuế VAT: 10.00%

Nhập tại kho:

Nội dung: Mua hàng

Tên, quy cách VT	Mã vật tư	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Máy tính Acer		Cái	04	8.500.000	31.600.000
Cộng hóa đơn					31.600.000

Số tiền bằng chữ: Ba mươi một triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn

Xuất, Ngày 12 tháng 11 năm 2015

Người lập phiếu

**Người nhận
hàng**

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

b. Trường hợp xuất kho công cụ dụng cụ

❖ Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

- Ngày 15/11/2015, căn cứ vào phiếu xuất kho số 921 Công ty xuất kho công cụ mua ngày 07/11/2015 phục vụ cho sản xuất. Kế toán ghi nhận:

Nợ TK 647: 3.400.000

Có TK 1533: 3.400.000

Phiếu xuất kho(Nguồn : Phòng kế toán của Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng)

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng
Số 734 Nguyễn Văn Linh, Vĩnh Niệm, Lê
Chân, Hải Phòng

Mẫu số 02 - VT
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 11 năm 2015

Số: 921

Nợ: 627

Có: 153

- Họ và tên người nhận hàng: Lê Thị Hải

Địa chỉ (bộ phận): Xưởng sản xuất

- Lý do xuất kho: Xuất phục vụ sản xuất

Xuất tại kho : Công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Quần áo bảo hộ		Bộ	500	500	68.000	34.000.000
	<i>Cộng</i>			500	500		34.000.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi tư triệu đồng chẵn

Xuất, Ngày 15 tháng 11 năm 2015

**Người lập
phiếu**

(Ký, họ tên)

**Người nhận
hàng**

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

- Ngày 19/11/2015, căn cứ vào phiếu xuất kho số 925 Công ty xuất kho công cụ mua ngày 12/11/2015 phục vụ cho Phòng kế toán. Kế toán ghi nhận:

Nợ TK 6423: 31.600.000

Có TK1533: 31.600.000

Phiếu xuất kho(Nguồn : Phòng kế toán của Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng)

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Mẫu số 02 - VT

Số 734 Nguyễn Văn Linh, Vĩnh Niệm, Lê
Chân, Hải Phòng

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 19 tháng 11 năm 2015

Số: 925

Nợ: 642

Có: 153

- Họ và tên người nhận hàng: Lê Thị Lan

Địa chỉ (bộ phận): Phòng kế toán

- Lý do xuất kho: Xuất phục vụ sản xuất

Xuất tại kho : Công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Máy tính Acer		Bộ	04	04	8.500.000	31.600.000
	<i>Cộng</i>			04	04		31.600.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi một triệu sáu trăm đồng chẵn

Xuất, Ngày 19 tháng 11 năm 2015

Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận hàng (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên)
--	--	--------------------------------	---------------------------------------	---------------------------------

Trích sổ nhật ký chung (Nguồn : Phòng kế toán của Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng)

Đơn vị: công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng
Địa chỉ: số 734 Nguyễn Văn Linh, Vĩnh Niệm
Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT -

BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....			...		
PN 932	07/11/2015	Công ty nhập kho 50 bộ quần áo bảo hộ lao động	153 133 112	34.000.000 3.400.000	37.400.000
.....			...		
PN 935	12/11/2015	Mua máy tính Acer	153 133 331	31.600.000 3.160.000	34.760.000
.....			...		
PX921	15/11/2015	Xuất kho quần áo bảo hộ lao động	627 153	34.000.000	34.000.000
.....			...		
PX925	19/11/2015	Xuất kho máy tính Acer cho PKT	642 153	31.600.000	31.600.000
.....			...		
		Cộng phát sinh		310.376.256.855	310.376.256.855

Ngày 30/11/2015

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Sổ cái TK 153(Nguồn : Phòng kế toán của Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng)

Cty CP Điện Cơ Hải Phòng

SỔ CÁI

Từ 01/11/2015 đến 30/11/2015

Tài khoản : 153

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		<u>5.241.487.800</u>	
.....			...		
PN 919	05/11/2015	Công ty nhập kho 3 máy lạnh	112	26.400.000	
.....			...		
PN 932	07/11/2015	Công ty nhập kho 50 bộ quần áo bảo hộ lao động	112	34.000.000	
.....			...		
PN 935	12/11/2015	Mua máy tính Acer	331	31.600.000	
.....			...		
PX 921	15/11/2015	Xuất kho CCCD ngày 07/11	627		34.000.000
PX 925	19/11/2015	Xuất kho CCCD ngày 12/11	642		31.600.000
.....			...		
		Cộng số phát sinh		123.246.455.281	107.248.932.456
		Số dư cuối kỳ		<u>20.239.010.625</u>	

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG

3.1. NHẬN XÉT

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng – Hapemco, được tìm hiểu và nghiên cứu về tình hình sản xuất kinh doanh và công tác kế toán tại Phòng Kế toán của Công ty, em xin đưa ra một số nhận xét sau:

3.1.1. Nhận xét chung về công tác quản lý

Công ty Hapemco đã trải qua quá trình hình thành và phát triển khá lâu đời, bắt đầu từ năm 1976 chỉ gồm những Xí nghiệp nhỏ cho đến nay đã mở rộng cơ sở, trung tâm nghiên cứu và nhà máy trải rộng từ Bắc vào Nam. Điều này càng chứng minh khả năng lãnh đạo, quản lý tốt có hiệu quả của Ban điều hành Công ty cùng với sự nhiệt tình của cán bộ, công nhân viên đã giúp Công ty vượt qua nhiều khó khăn và ngày càng phát triển.

Luôn nắm bắt tìm hiểu thị trường từ đó nghiên cứu sản xuất ra sản phẩm đáp ứng được yêu cầu của người dân. Công ty luôn hướng đến mục tiêu là “đơn vị sản xuất, sản phẩm chất lượng cao” nhưng luôn đảm bảo lợi ích của người dân.

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng Công ty đã không ngừng đầu tư xây dựng các dây chuyền sản xuất theo công nghệ mới để sản xuất ra sản phẩm ngày càng đa dạng hơn nhưng đảm bảo chất lượng.

Hiện nay, Công ty Hapemco có đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân có tay nghề cao có kinh nghiệm về ngành sản xuất. Công ty luôn nghiên cứu, tìm kiếm thị trường mới và tìm hiểu nhu cầu của khách hàng ở từng vùng để có thể cung cấp sản phẩm phù hợp với yêu cầu người tiêu dùng.

Đối với cán bộ, công nhân viên Công ty luôn quan tâm và tìm hiểu về khả năng trình độ của mỗi người để phân công công việc cụ thể phù hợp với khả năng cũng như trình độ của mỗi nhân viên để họ có thể tự xử lý công việc khi cần thiết đạt kết quả tốt nhất.

Với những chính sách hoạt động và quản lý hợp lý Công ty đã từng bước khẳng định mình với số lượng và chất lượng sản phẩm ngày càng tăng, đạt được nhiều thành tựu có giá trị dành được sự tín nhiệm của khách hàng đối với Công ty.

(Trang web Hapemco.com.vn)

3.1.2. Nhận xét chung về đặc điểm kế toán tại Công ty

3.1.2.1. Về bộ máy kế toán

❖ Ưu điểm:

- Bộ máy kế toán của Công ty được sắp xếp một cách hợp lý, mỗi nhân viên được sắp xếp một phần hành kế toán riêng nhằm đánh giá năng lực của từng người và phân chia trách nhiệm của từng người. Từ đó, đề cao tinh thần tự giác, quyền lợi đi kèm với nghĩa vụ của từng cán bộ, công nhân viên.
- Công ty sử dụng hình thức kế toán vừa tập trung vừa phân tán phù hợp với quy mô và phạm vi hoạt động của Công ty, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời đầy đủ cho Ban lãnh đạo.
- Công việc kế toán được thực hiện qua phần mềm kế toán, điều này phù hợp với đặc điểm sản xuất tại Công ty và phù hợp với xu hướng hiện nay là tin học hóa công tác kế toán, làm giảm bớt công việc của kế toán, xử lý thông tin một cách nhanh chóng, hiệu quả.
- Quá trình lưu chuyển chứng từ qua các phòng ban được tổ chức chặt chẽ và theo đúng quy định. Bộ phận kế toán có sự phối hợp với các phòng ban khác nên luôn kiểm tra, đối chiếu lẫn nhau, vì vậy tình trạng sai sót, gian lận rất khó xảy ra, nếu có sẽ nhanh chóng phát hiện và có biện pháp xử lý kịp thời.
- Bộ phận kế toán luôn cập nhật liên tục các quy định, thông tư, nghị định của Chính phủ nên việc thực hiện các phần hành kế toán luôn tuân theo quy định chế độ; các mẫu biểu báo cáo được thiết lập theo đúng quy định và phù hợp với tình hình ở Công ty.

- Định kỳ hàng năm vào ngày 31/12 và ngày 30/06 Công ty thực hiện việc kiểm kê vật tư, hàng hóa, công cụ dụng cụ hoặc đột xuất kiểm kê theo yêu cầu quản lý. Khi phát hiện có chênh lệch sai sót sẽ đề ra hướng giải quyết khắc phục.

❖ **Nhược điểm:**

Ngoài các ưu điểm trên, bộ máy kế toán Công ty còn gặp một số nhược điểm sau:

- Do Công ty có mạng lưới hoạt động trải dài từ Bắc vào Nam với nhiều chi nhánh, cơ sở, nhà máy và đơn vị trực thuộc nên số lượng chứng từ phát sinh rất nhiều gây khó khăn trong việc luân chuyển, lưu trữ chứng từ phát sinh. Các chi nhánh, cơ sở ở xa hàng tháng vẫn phải chuyển chứng từ về trụ sở chính của Công ty, điều này gây tốn kém và trở ngại cho việc quản lý và lưu kho chứng từ do số lượng chứng từ nhiều thời gian lưu giữ chứng từ dài (thông thường từ 5-10 năm).
- Theo định kỳ 6 tháng một lần, Công ty sẽ tổ chức kiểm kê vật tư, hàng hóa, công cụ dụng cụ tại kho. Nhưng trong thời gian dài như vậy có thể xảy ra các trường hợp sai sót gian lận vì chủng loại vật tư, hàng hóa quá nhiều khó bảo quản điều này gây khó khăn trong việc quản lý cũng như vấn đề bảo quản loại nguyên vật liệu đặc thù này.

3.1.2.2. Về hệ thống tài khoản

❖ **Ưu điểm:**

- Do đặc điểm kinh doanh tại Công ty có nhiều cơ sở, nhà máy, đại lý nên Công ty đã xây dựng một hệ thống tài khoản khá hoàn chỉnh nhằm quản lý chi tiết tất cả các đối tượng một cách rõ ràng, chính xác và đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty.

❖ **Nhược điểm:**

- Tuy nhiên, hiện nay tốc độ phát triển của Công ty khá nhanh, nghiệp vụ phát sinh nhiều, số lượng sản phẩm sản xuất ra nhiều với chủng loại ngày càng đa dạng, số lượng khách hàng và nhà cung cấp ngày một tăng lên, các nhà máy, đại lý ngày càng được mở rộng, các chi phí phát sinh cũng phức tạp hơn nên dễ dẫn đến thiếu sót.

3.1.2.3. Về tình hình thu mua và sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

❖ Ưu điểm:

- Quá trình thu mua và sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ở Công ty Hapemco được thực hiện khá chặt chẽ bắt đầu từ khâu lập kế hoạch cho đến thu mua, nhập kho và xuất sử dụng.
- Mọi nhu cầu mua vật tư, hàng hóa đều phải được lập kế hoạch trước căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, tình hình sử dụng của các phòng ban đảm bảo việc mua sắm đúng mức, hạn chế lãng phí, không mua sắm thừa và luôn được quản lý theo dõi chặt chẽ.
- Mua sắm vật tư, hàng hóa luôn có hóa đơn chứng từ hợp lệ theo quy định của Bộ tài chính và được xét duyệt trước khi mua. Công ty có Phòng KH vật tư có trách nhiệm khảo sát thị trường tìm kiếm và lựa chọn các nhà cung cấp có đủ năng lực và uy tín mang lại lợi ích cao nhất cho Công ty. Nguồn cung cấp trong nước cho Công ty chủ yếu là mua ở các nhà cung ứng mà Công ty có góp vốn liên kết, vì vậy nguyên vật liệu được mua với giá ưu đãi.
- Khâu nhập kho và bảo quản vật tư hàng hóa được thực hiện nghiêm ngặt và tất cả các chứng từ đều được ký duyệt trước khi thực hiện.
- Mọi vật tư, sản phẩm và hàng hóa trước khi xuất kho đều phải được sự chấp thuận của người có trách nhiệm và được thể hiện bằng văn bản, chứng từ. Việc quản lý vật tư hàng hóa xuất cho các đơn vị nội

bộ cũng được Công ty kiểm tra, theo dõi sát, tất cả trường hợp đều có biên bản giao nhận và có xác nhận của các bên liên quan làm căn cứ hạch toán. Vì thế, khi cần có thể dễ dàng kiểm tra đối chiếu.

❖ **Nhược điểm:**

- Tuy nhiên, nguồn nguyên liệu chính của Công ty chủ yếu là nhập khẩu dẫn đến chi phí sản xuất khá cao, giá thành tăng gây khó khăn trong tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt hiện nay.
- Về phần kế toán công cụ dụng cụ chưa được quan tâm đúng mức, khi thu mua công cụ dụng cụ không có phân loại chính thức kế toán chỉ phân loại theo nơi sử dụng công cụ dụng cụ và khi xuất dùng sẽ không phân bổ mà xuất hết một lần giá trị vào nơi chịu chi phí. Vì thế việc quản lý sử dụng công cụ dụng cụ sẽ thuộc về nơi mà công cụ dụng cụ xuất dùng như Tổ, Xưởng, Phòng ban,... Kế toán chỉ theo dõi thủ tục ban đầu lúc mua sắm và những chứng từ có liên quan.

3.2. Kiến nghị

3.2.1. Về công tác quản lý

- Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng - Hapemco là một Công ty lớn và lâu đời, sản phẩm sản xuất với số lượng nhiều và chủng loại ngày càng đa dạng và đáp ứng nhu cầu của đại đa số khách hàng. Trong tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt, Công ty cần phải đầu tư xây dựng các trang thiết bị, dây chuyền công nghệ hiện đại sản xuất nhiều sản phẩm hơn với chất lượng ngày càng cao đặc biệt luôn hướng tới mục tiêu sản phẩm tới tay của người dân là sản phẩm chất lượng nhất.
- Cần quan tâm, tìm hiểu đến đời sống tinh thần của cán bộ công nhân viên, đánh giá đúng khả năng năng lực của họ. Có kế hoạch hỗ trợ cho Cán bộ công nhân viên có nhu cầu học nâng cao kiến thức phục vụ cho công việc hiện tại nếu họ cam kết gắn bó với Công ty và mang kiến thức học được phục vụ cho Công ty. Như vậy, công ty sẽ có nhà quản

lý giỏi, người thợ có chuyên môn cao và người lao động cũng sẽ phấn khởi, gắn bó hơn với Công ty.

3.2.2. Về bộ máy kế toán

- Đối với tình hình luân chuyển, lưu trữ chứng từ tại Công ty: cần có sự phân loại chứng từ, chứng từ nào có thể lưu tại chi nhánh, cơ sở...thì lưu tại đó không nhất thiết phải chuyển tất cả về Công ty gây tốn kém và có thể bị thất lạc, chỉ chuyển về Công ty những chứng từ cần thiết. Trường hợp cần thiết phải lưu kho thì phải xây dựng một hệ thống kho chứng từ rộng rãi và được quản lý chặt chẽ.
- Việc kiểm kê vật liệu, hàng hóa công cụ dụng cụ tồn kho cần phải được tăng cường, có thể kiểm kê theo tháng hay theo quý giúp cho việc kiểm tra được chặt chẽ hơn về tình hình tồn kho nguyên vật liệu. Qua đó, Ban kiểm kê cần kiểm tra rõ số lượng, chất lượng cũng như giá trị của từng loại vật liệu, hàng hóa một cách thận trọng để hạn chế việc sử dụng nguyên vật liệu sai mục đích, nếu có sai sót sẽ dễ phát hiện và đề ra biện pháp xử lý kịp thời.

3.2.3. Về hệ thống tài khoản

- Cần phân loại các nghiệp vụ phát sinh theo hướng nghiệp vụ nào có tính chất tương đối giống nhau thì có thể xếp vào cùng một tài khoản không cần xây dựng thêm tài khoản mới, sẽ rất phức tạp trong quản lý và theo dõi. Đối với các khách hàng, nhà cung cấp ta nên sử dụng mã phân cấp, mã nhóm... để quản lý chi tiết từng khách hàng, từng nhà cung cấp dễ dàng trong việc kiểm tra, đối chiếu sau này.
- Đối với nhà cung cấp: ta có thể quản lý theo địa điểm kinh doanh. Đối với khách hàng, ta cũng có thể quản lý theo khu vực, vùng, kênh phân phối, số thứ tự khách .

Để phục vụ tốt cho yêu cầu quản lý chặt chẽ và thống nhất các loại vật liệu ở các các bộ phận khác nhau, đặc biệt là phục vụ cho yêu cầu xử lý thông tin trên máy tính thì việc lập Sổ Danh Điểm Vật Tư là hết sức cần

thiết. Trên cơ sở phân loại vật liệu theo công dụng chủ yếu và phân loại kế toán xác lập điểm danh theo loại, nhóm, thứ vật liệu

Bảng 3.1. Sổ danh điểm vật liệu

SỔ DANH ĐIỂM VẬT LIỆU

Ký hiệu nhóm	Mã hàng hóa	Tên vật liệu	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
1521.10	SGC	Sơn gia công QT	Hộp	61.500
1521.10	DEMAY01	Dây Emay 0,25	Kg	140.000
1521.10	DEMAY03	Dây Emay 0,17	Kg	136.000
1521.10	DEMAY04	Dây Emay 0,21	Kg	123.650
1521.10	DEMAY05	Dây Emay 0,18	Kg	135.000
1521.10	DEMAY06	Dây Emay 0,16	Kg	116.342
1521.10	NHOM01	Nhôm lá hộp kim	Kg	16.090
1521.10	NHOM02	Nhôm A7	Kg	15.238
1522.10	NHOM06	Inox 304	Kg	284.000
1522.10	THEPP107	Phôi đế quạt HĐ	Cái	261.000
1523.10	THEPP108	Phôi đế quạt ĐN	Cái	265.000
1523.10	THEPP109	Phôi đế quạt HE	Cái	212.000
1523.10	PHÔI230	Phôi thép	Bộ	150.000
1523.10	SC2000Z	Thân quạt	Bộ	420.000

3.2.4. Về tình hình thu mua, sử dụng nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ

- Vì nguyên vật liệu chính của công ty là các khuôn, lồng với thời gian sử dụng nhất định và không có phế liệu thu hồi, còn dư là phải hủy bỏ hoặc giải quyết ngay. Công ty nên tìm ra kế hoạch tận dụng phế liệu

một cách hữu ích. Tiến hành xử lý một cách khoa học để giảm được khối lượng phế liệu, phế phẩm tiết kiệm chi phí sản xuất.

- Công ty cần phải quan tâm hơn đến khâu tìm kiếm, thu mua nguyên vật liệu. Vì nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng khá cao trong chi phí sản xuất nên Công ty cần tìm kiếm nguồn nguyên vật liệu trong nước để thay thế nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu nhưng chất lượng vẫn được đảm bảo để giảm chi phí sản xuất kinh doanh, hạ giá thành tạo thế cạnh tranh.
- Trong công tác bảo quản dự trữ nguyên vật liệu để chuẩn bị cho sản xuất cũng cần được lưu ý: nguyên vật liệu cần được dự trữ bảo quản ở mức hợp lý tối thiểu, không dự trữ vật liệu quá nhiều gây lãng phí, dễ dẫn đến hư hại, giảm chất lượng sản phẩm, ứ đọng vốn ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty; dự trữ thấp sẽ gây ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh. Vì vậy, Công ty cần xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu hợp lý phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đối với công cụ dụng cụ, chỉ mua những công cụ cần thiết sử dụng, không dự trữ mua sắm thừa tránh gây lãng phí và sử dụng sai mục đích. Kế toán cần tổ chức phân loại công cụ dụng cụ phù hợp với yêu cầu quản lý của Công ty và theo dõi, quản lý chặt chẽ việc xuất dùng và sử dụng công cụ dụng cụ. Đặc điểm của công cụ dụng cụ là tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh, vì vậy kế toán cần tiến hành phân bổ giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng vào chi phí theo các phương pháp phân bổ thích hợp (phân bổ một lần, phân bổ nhiều lần) để tính toán chính xác giá trị công cụ dụng cụ chuyển dịch vào chi phí sản xuất

Bảng phân bổ CCDC

STT	Tên CCDC	Số lượng	ĐVT	Bộ phận sử dụng	Thời gian phân bổ	Giá trị ban đầu	Mức phân bổ 1 tháng	Giá trị còn lại
1	Máy tính Acer	4	Chiếc	Phòng kế toán	18 tháng	31.600.000	1.755.556	29.844.444
2	Ghế Xuân Hòa	10	Chiếc	Phòng kế hoạch	18 tháng	18.000.000	1.000.000	17.000.000
								
	Cộng					99.600.000	5.755.556	93.844.444

Định khoản:

1a) Nợ TK 242: 31.600.000

Có TK 153: 31.600.000

1b) Nợ TK 642: 1.755.556

Có TK 242: 1.755.556

2a) Nợ TK 242: 18.000.000

Có TK153: 18.000.000

2b) Nợ TK 642: 1.000.000

Có TK242: 1.000.000

Trích sổ nhật ký chung (Nguồn : Phòng kế toán của Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng)

Đơn vị: công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng
Địa chỉ: số 734 Nguyễn Văn Linh, Vĩnh Niệm
Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT
BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....			...		
PX925	19/11/2015	Xuất dùng máy tính Acer cho PKT	642 153	31.600.000	31.600.000
		Phân bổ CCDC	642 242	1.755.556	1.755.556
			...		
PX927	23/11/2015	Xuất dùng bàn ghế cho PKH	642 153	18.000.000	18.000.000
		Phân bổ CCDC	642 242	1.000.000	1.000.000
			...		
		Cộng phát sinh		310.376.256.855	310.376.256.855

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 30/11/2015
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾT LUẬN



Như vậy, dù là công ty sản xuất, công ty thương mại dịch vụ hay bất cứ loại hình công ty nào thì trong nền kinh tế thị trường chỉ tiêu được tất cả các công ty quan tâm hàng đầu là tiết kiệm chi phí, giảm giá thành và tăng lợi nhuận.

Nhất là trong tình hình hiện nay, cạnh tranh ngày càng gay gắt, muốn tồn tại và phát triển thì buộc các Công ty phải luôn đầu tư, nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm, sản phẩm sản xuất ra với nhiều mẫu mã chủng loại đa dạng, giá thành thấp nhưng phải phù hợp với nhu cầu của khách hàng. Và Công ty CP Điện cơ Hải Phòng cũng không ngoại lệ. Trước tình hình này, Công ty đã phải nghiên cứu đưa ra nhiều chiến lược để phấn đấu đưa sản phẩm của mình vượt lên các sản phẩm cạnh tranh khác. Cùng với sự lãnh đạo của Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty đã khẳng định vai trò và vị trí của mình trong nền kinh tế, góp phần vào việc tăng ngân sách Nhà nước.

Nhận thức được tầm quan trọng này, em đã đi sâu nghiên cứu vào công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ ở Công ty CP Điện cơ Hải Phòng và có đưa ra một vài ý kiến nhận xét theo hiểu biết của mình. Tuy nhiên, thực tế rất đa dạng và luôn thay đổi bài khóa luận của em khó tránh khỏi những thiếu sót, rất mong được sự góp ý của thầy cô để em hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng và toàn thể cán bộ nhân viên phòng kế toán của Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng đã giúp em hoàn thành đề tài này.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 12 năm 2016

Sinh viên

Nguyễn Bảo Khánh

